

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN ĐAK LÔ 1-3

PHƯƠNG ÁN
CẤM MỐC CHỈ GIỚI XÁC ĐỊNH PHẠM VI BẢO VỆ ĐẬP
THỦY ĐIỆN ĐẮK LÔ 1

Địa điểm: xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TRÌNH
THỦY ĐIỆN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Phúc

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TRÌNH	5
1.1 Khái quát về chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện và tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy điện	5
1.2 Giới thiệu công trình thủy điện Đắk Lô 1	5
1.3 Nhiệm vụ công trình	6
1.4 Quy mô và các thông số kỹ thuật chính của công trình	6
1.5 Thời điểm khởi công và dự kiến đưa đập, hồ chứa vào khai thác, sử dụng.....	11
2. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	11
3. HIỆN TRẠNG KHU VỰC CẤM MỐC.....	11
4. PHẠM VI KHU VỰC ĐẬP	14
5. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CẤM MỐC	14
5.1 Lập bản đồ nền	14
5.2 Thiết kế dự kiến vị trí mốc giới trên bản đồ nền, qui cách mốc giới	14
5.2.1 Nguyên tắc, kỹ thuật xác định vị trí mốc.....	14
5.2.2 Thu thập tài liệu.....	15
5.3 Quy cách mốc chỉ giới.....	17
5.3.1 Nguyên tắc kỹ thuật xác định mốc chỉ giới	17
5.3.2 Quy cách mốc chỉ giới.....	17
5.4 Số lượng mốc cần cấm	18
5.5 Phương án định vị mốc.....	19
5.5.1 Công tác kỹ thuật tại hiện trường.....	19
5.5.2 Công tác lập lưới tọa độ	19
5.5.3 Công tác xác định vị trí xây dựng mốc giới ngoài thực địa.....	19
6. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, VẬT TƯ, VẬT LIỆU THI CÔNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	22
6.1 Công tác chuẩn bị.....	22
6.2 Tổ chức nhân lực, nhân sự và vật tư thiết bị chính	22
6.2.1 Phân bố, phối hợp phạm vi và điều phối thực hiện.....	22

6.2.2	<i>Nhân lực (bao gồm tư vấn phối hợp).....</i>	22
6.3	Phương án giải phóng mặt bằng	23
7.	TIẾN ĐỘ CẤM MỐC, BÀN GIAO MỐC.....	23
7.1	Tiến độ cấm mốc.....	23
7.2	An toàn lao động và vệ sinh môi trường	23
7.3	Công tác bàn giao, quản lý mốc chỉ giới.....	24
7.3.1	<i>Công tác vận động, tuyên truyền</i>	24
7.3.2	<i>Công tác bàn giao và quản lý</i>	24
7.3.3	<i>Kiểm tra, bàn giao tại thực địa.....</i>	25
7.3.4	<i>Bàn giao hồ sơ mốc</i>	25
7.3.5	<i>Quản lý, bảo vệ mốc</i>	26
7.3.6	<i>Sản phẩm giao nộp.....</i>	26
8.	TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	26
	VĂN BẢN PHÁP LÝ	2
	CÁC BẢN VẼ	35

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các thông số kỹ thuật chính của công trình	6
Bảng 2: Tổng diện tích(m ²)chi tiết từng loại đất được thu hồi	12
Bảng 3: Tọa độ vị trí mốc giải phóng mặt bằng.....	12
Bảng 4: Khối lượng khảo sát địa hình đã thực hiện.....	16
Bảng 5: Tọa độ và vị trí cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập	18

1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TRÌNH

1.1 Khái quát về chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện và tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy điện

a. Tên chủ sở hữu đập, hồ chứa

- Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3.
- Địa chỉ: Thôn Điek Tem, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- Điện thoại: 098.3002.422; Email: tchc.daklo.3@gmail.com.

b. Về tổ chức khai thác đập, hồ chứa

- Tên tổ chức: Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3.
- Địa chỉ: Thôn Điek Tem, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- Điện thoại: 098.3002.422; Email: tchc.daklo.3@gmail.com.

1.2 Giới thiệu công trình thủy điện Đăk Lô 1

Công trình thủy điện Đăk Lô 1 được xây dựng trên suối Nước Lò (sông Đăk Lô), nằm trên địa phận xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích đất sử dụng là 48,7ha. Tuyến đập công trình cách đường Đông Trường Sơn 0,48 km, cách xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi 10,2km về hướng Tây Bắc, cách xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi 33,9km về hướng Tây.



Hình 1: Vị trí công trình dự án thủy điện Đăk Lô 1

- Toạ độ địa lý công trình:

STT	Hạng mục công trình	Vĩ độ Bắc	Kinh độ Đông
1	Tuyến đập chính	14°43'58"N	108°22'42"E
2	Tuyến đập phụ	14°43'53"N	108°23'3"E
3	Nhà máy	14°44'44"N	108°23'13"E

1.3 Nhiệm vụ công trình

Phát điện năng lên lưới Quốc gia với công suất lắp máy 12MW, điện lượng trung bình năm 39,194 triệu KWh nhằm đem lại lợi nhuận cho Chủ đầu tư; đóng góp vào ngân sách địa phương từ tiền thuế, phí và các nguồn khác; ổn định an ninh năng lượng khu vực xã Kon Plong, tỉnh Quảng Ngãi và lưới điện quốc gia.

Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk Lô 1, ngoài việc đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ ghi trong Quyết định đầu tư, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Sau khi kết thúc xây dựng công trình, khu vực công trình Đăk Lô 1 với các cơ sở dân cư, văn hoá, xã hội sẽ trở thành một điểm tập trung dân cư với cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế và xã hội của khu vực xây dựng công trình với các trung tâm kinh tế, xã hội của địa phương.

1.4 Quy mô và các thông số kỹ thuật chính của công trình

Bảng 1: Các thông số kỹ thuật chính của công trình

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Tọa độ địa lý		
1	Vị trí đập đầu mối chính		
-	Kinh độ Đông		108°22'42"
-	Vĩ độ Bắc		14°43'58"
2	Vị trí đập đầu mối phụ		
-	Kinh độ Đông		108°23'3"
-	Vĩ độ Bắc		14°43'53"
3	Vị trí nhà máy		
-	Kinh độ Đông		108°23'13"
-	Vĩ độ Bắc		14°44'44"
II	Cấp công trình		III
III	Đặc trưng lưu vực		
1	Tổng diện tích lưu vực F_{lv}	km²	217,80
	- Lưu vực đập chính	km ²	88,30
	- Lưu vực đập phụ	km ²	13,70
	- Nhà máy	km ²	115,80
2	Lượng mưa trung bình nhiều năm X_0	mm	3250
3	Lưu lượng bình quân năm Q_0		
-	Tuyến đập chính	m ³ /s	6,32

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
-	Tuyến đập phụ	m ³ /s	0,98
4	Tổng lượng dòng chảy năm W ₀		
-	Tuyến đập	10 ⁶ m ³	207
5	Lưu lượng lũ ứng với tần suất P = 0,5%		
-	Tuyến đập chính	m ³ /s	2.295,90
-	Tuyến đập phụ	m ³ /s	554,10
-	Nhà máy	m ³ /s	2.778,50
6	Lưu lượng lũ ứng với tần suất P = 1,5%		
-	Tuyến đập chính	m ³ /s	1.888,70
-	Tuyến đập phụ	m ³ /s	448,90
-	Nhà máy	m ³ /s	2.264,40
IV	Thông số hồ chứa tại đầu mối chính		
-	Mực nước lũ thiết kế (1,5%)	m	410,06
-	Mực nước lũ kiểm tra (0,5%)	m	410,84
-	Mực nước dâng bình thường	m	405,00
-	Mực nước chết	m	400,00
-	Dung tích toàn bộ	10 ⁶ m ³	0,418
-	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	0,212
-	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	0,206
V	Thông số thủy năng		
	Lưu lượng lớn nhất qua Tuabin Q _{max}	m ³ /s	15,43
	Cột nước lớn nhất H _{max}	m	94,68
	Cột nước nhỏ nhất H _{min}	m	84,36
	Cột nước tính toán H _{tt}	m	87,00
	Công suất lắp máy N _{lm}	MW	12
	Công suất đảm bảo N _{db}	MW	1,119
	Số tổ máy	tổ	02
	Điện lượng bình quân nhiều năm	10 ⁶ kW h	38,661
	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	giờ	3.222
VI	Các thông số chính của công trình		
VI.1	Cụm đầu mối đập chính		
1	Đập dâng bờ phải		
-	Loại đập dâng	Đập bê tông trọng lực	
-	Cao trình đỉnh đập dâng	m	411,00
-	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	411,50
-	Chiều dài đập dâng	m	24,50
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	21,00
-	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,00
2	Đập dâng bờ trái - Phần đập BTTL		
-	Loại đập dâng	Đập bê tông trọng lực	
-	Cao trình đỉnh đập dâng	m	411,00

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
-	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	411,50
-	Chiều dài đập dâng	m	26,50
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	24,00
-	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,00
3	Đập dâng bờ trái - Phần đập tường ô		
-	Cao trình đỉnh đập dâng	m	411,00
-	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	411,50
-	Chiều dài đập dâng	m	44,00
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	15,00
-	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,00
4	Đập tràn		
-	Loại đập tràn	Tràn tự do	
-	Hình thức tiêu năng	Phóng xa	
-	Cao trình ngưỡng đập tràn	m	405,00
-	Bề rộng tràn nước	m	70,0
-	Cao trình mũi phun	m	395,0
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	24,0
-	Lưu lượng xả lũ thiết kế P = 1,5%	m ³ /s	1.618,66
-	Mực nước lũ thiết kế P = 1,5%	m	410,06
-	Lưu lượng xả lũ kiểm tra P = 0,5%	m ³ /s	2.027,10
-	Mực nước lũ kiểm tra P = 0,5%	m	410,84
-	Cao độ đáy hố xói	m	379,50
-	Kích thước hố xói	mxm	15,00x47,70
5	Cống xả cát (kết hợp xả lũ và dẫn dòng)		
-	Kích thước thông thủy	m	4,5x4,5
-	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	388,50
-	Chiều dài cống	m	20,6
-	Lưu lượng xả lũ thiết kế P = 1,5%	m ³ /s	270,06
-	Lưu lượng xả lũ kiểm tra P = 0,5%	m ³ /s	268,82
6	Ống xả môi trường		
-	Lưu lượng xả	m ³ /s	0,355
-	Cao trình tim ống	m	399,00
-	Đường kính ống	mm	350
VI.2	Cụm đầu mối đập phụ		
1	Đập dâng bờ trái		
	- Loại đập dâng	Đập bê tông trọng lực	
	- Cao trình đỉnh đập dâng	m	409,50
	- Chiều dài đập dâng	m	25,50
	- Chiều rộng đỉnh đập	m	3,50
	- Chiều cao lớn nhất	m	11,80
2	Đập tràn		
-	Loại đập tràn	Tự do	

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
-	Hình thức tiêu năng	Tiêu năng đáy	
-	Cao trình ngưỡng đập tràn/chiron	m	405,00/405,50
-	Chiều rộng đập tràn (tràn tự do + Chiron)	m	34,0+17,5=51,5
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	14,00
-	Lưu lượng xả lũ thiết kế P = 1,5%	m ³ /s	448,95
-	Mực nước lũ thiết kế P = 1,5%	m	408,29
-	Lưu lượng xả lũ kiểm tra P = 0,5%	m ³ /s	554,12
-	Mực nước lũ kiểm tra P = 0,5%	m	408,74
3	Cổng dẫn dòng		
-	Kích thước thông thủy	mxm	2,50x2,50
-	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	400,50
-	Chiều dài cổng	m	12,50
4	Ống xả môi trường		
-	Lưu lượng xả	m ³ /s	0,055
-	Cao trình tim ống	m	402,00
-	Đường kính ống	mm	150
VI.3	Công trình gom nước		
1	Cửa nhận nước		
-	Kích thước thông thủy, bxx	m	1,50x1,50
-	Cao trình ngưỡng	m	403,50
-	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	2,05
2	Kênh gom nước sau CNN		
	Kích thước thông thủy, bxx	mxm	1,50x1,50
-	Chiều dài	m	61,70
-	Độ dốc	%	0,00
3	Bể lắng cát		
-	Chiều dài bể	m	35,00
-	Kích thước thông thủy, bxx	mxm	(1,5-:-3,5)x(2,5-:-4,9)
-	Chiều dài tràn xả thừa	m	16,00
-	Cao trình ngưỡng tràn xả thừa	m	405,00
-	Cao trình đỉnh tường bể	m	406,00
-	Kích thước cổng xả cát, bxx	m	1,50x0,80
-	Cao trình ngưỡng cổng xả cát	m	401,10
4	Kênh gom nước sau bể lắng cát		
-	Kích thước thông thủy, bxx	mxm	1,50x1,50
-	Chiều dài	m	64,87
-	Độ dốc	%	11,16%; 0%
5	Hầm gom nước		
-	Kích thước thông thủy, bxx	mxm	2,20x2,20
-	Chiều dài	m	343,18
-	Độ dốc hầm	%	4,55%

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
VI.4	Tuyến năng lượng		
1	Cửa nhận nước		
-	Kích thước cửa vào, BxH	m	4,0x4,5
-	Kích thước thông thủy, bxx	m	3,0x3,0
-	Cao trình ngưỡng	m	394,0
-	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	15,43
2	Đường ống BTCT sau CNN		
-	Chiều dài	m	21,00
-	Kích thước thông thủy, bxx	mxm	3,0x3,0
-	Độ dốc	%	0,0%
3	Hầm dẫn nước		
-	Chiều dài hầm	m	1.808,36
-	Kích thước thông thủy, bxx	mxm	3,0x3,0
-	Độ dốc hầm	%	3,47%; 6,0%, 0,1%
4	Đường ống áp lực		
-	Chiều dài ống chính	m	25,50
-	Chiều dài ống nhánh	m	2x12,40m
-	Đường kính thông thủy ống chính	m	2,20
-	Đường kính thông thủy ống nhánh	m	1,30
VI.5	Nhà máy – Kênh xả		
1	Nhà máy thủy điện		
-	Mực nước hạ lưu ứng lũ thiết kế (P=1,5%)	m	315,99
-	Mực nước hạ lưu ứng lũ kiểm tra (P=0,5%)	m	316,47
-	Mực nước hạ lưu min	m	310,40
-	Mực nước hạ lưu tuabin	m	305,02
-	Cao trình lắp máy	m	304,50
-	Cao trình sàn lắp ráp	m	318,60
-	Cao trình sàn phòng điều khiển trung tâm	m	318,60
-	Cao trình dầm cầu trục	m	326,60
-	Khẩu độ dầm cầu trục	m	12,00
-	Kích thước tổng thể nhà máy	mxm	24,80x48,50
-	Loại tuabin	Francis trục ngang	
2	Kênh xả hạ lưu		
2.1	Đoạn dốc ngược mái 1:3		
-	Chiều rộng đáy kênh	m	19,20-:-5,00
-	Cao độ đáy kênh	m	298,75-:-304,20
-	Chiều dài kênh	m	16,35
2.1	Đoạn nằm ngang		
-	Chiều rộng đáy kênh	m	5,00
-	Cao độ đáy kênh	m	304,20
-	Chiều dài kênh	m	215,40

1.5 Thời điểm khởi công và dự kiến đưa đập, hồ chứa vào khai thác, sử dụng

Khởi công, xây dựng công trình: Từ tháng 03/2025 đến tháng 06/2027

Hoàn thành việc xây dựng nhà máy, đưa vào vận hành: Từ cuối tháng 06/2027.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;
- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Quản lý an toàn đập và hồ chứa nước;
- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương về Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;
- Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc và lập bản đồ địa chính;
- Quyết định chủ trương đầu tư số 420/QĐ-UBND ngày 16/05/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chấp thuận nhà đầu tư là Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3 thực hiện đầu tư dự án thủy điện Đăk Lô 1 thuộc xã Ngọc Tem huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 09/11/2005 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ (đợt 2) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án công trình thủy điện Đăk Lô 1;
- Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3 thực hiện Dự án thủy điện Đăk Lô 1.

3. HIỆN TRẠNG KHU VỰC CẤM MỐC

Hiện trạng khu vực cấm mốc chỉ giới tại thủy điện Đăk Lô 1 đều nằm trong phần diện tích đất của dự án đã được UBND tỉnh Kon Tum (trước đây) phê duyệt theo Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 06/11/2024.

Theo kết quả thu thập các tài liệu về bồi thường giải phóng mặt bằng, tổng diện tích thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng của thủy điện Đăk Lô 1 (đợt 1 theo Thông báo số 149/TB-UBND, ngày 06/10/2021; đợt 2 theo Thông báo số 74/TB-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện Kon Plông trước đây) được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2: Tổng diện tích (m²) chi tiết từng loại đất được thu hồi

SST	Mục đích sử dụng đất	Diện tích do Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham quản lý (m ²)	Diện tích do UBND xã Kon Plông và các hộ gia đình, cá nhân quản lý (m ²)
1	Đất rừng phòng hộ	5.313,4	
2	Đất rừng sản xuất		38.275,0
3	Đất trồng cây hàng năm		23.537,6
4	Đất đồi núi chưa sử dụng		16.586,3
5	Đất giao thông		958,9
6	Đất lương rẫy trồng cây hàng năm khác		101.023,2
7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch suối		37.933,4
8	Đất trồng lúa nước còn lại		371,5
Tổng cộng		5.313,4	218.685,9

Hiện trạng sử dụng đất đất trên hành lang bảo vệ đập công trình thủy điện Đăk Lô 1 chủ yếu là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và cây lâu năm; đất rừng sản xuất do UBND xã Kon Plông và một số hộ gia đình, cá nhân (đã được thu hồi) và Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý, do đó việc cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đập nhằm chỉ ra ranh giới rõ ràng để tránh bị xâm phạm và những rủi ro về xâm lấn hoặc tranh chấp về ranh giới quản lý khai thác và bảo vệ nguồn nước.

- 43 mốc chỉ giới giải phóng mặt bằng (từ M129-M153) ở đập chính và (M177; M179-M200) ở đập phụ, thuộc đất cây lâu năm và đất sông suối đã được chuyển đổi thành đất công trình năng lượng theo Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 16/05/2021 về việc chấp nhận chủ trương đầu tư và Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3 thực hiện Dự án thủy điện Đăk Lô 1.

Bảng 3: Toạ độ vị trí mốc giải phóng mặt bằng

TT	Tên mốc	Hệ tọa độ (VN2000, Kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°)		Ghi chú
		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	
1	M 129	1.629.674,02	594.390,10	Đập chính

TT	Tên mốc	Hệ tọa độ (VN2000, Kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°)		Ghi chú
		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	
2	M 130	1.629.668,48	594.279,23	
3	M 131	1.629.690,77	594.421,36	
4	M 132	1.629.673,79	594.467,70	
5	M 133	1.629.668,48	594.279,23	
6	M 134	1.629.636,50	594.250,60	
7	M 135	1.629.633,06	594.144,73	
8	M 136	1.629.618,92	594.470,34	
9	M 137	1.629.554,28	594.107,20	
10	M 138	1.629.549,09	594.167,13	
11	M 139	1.629.618,78	594.101,84	
12	M 140	1.629.537,09	594.427,71	
13	M 141	1.629.529,79	594.461,65	
14	M 142	1.629.500,50	594.402,58	
15	M 143	1.629.498,76	594.249,53	
16	M 144	1.629.477,64	594.375,40	
17	M 145	1.629.466,91	594.402,54	
18	M 146	1.629.464,63	593.984,68	
19	M 147	1.629.460,48	594.341,53	
20	M 148	1.629.558,84	594.009,98	
21	M 149	1.629.437,33	594.280,63	
22	M 150	1.629.428,31	594.376,30	
23	M 151	1.629.450,71	593.945,23	
24	M 152	1.629.400,13	594.369,85	
25	M 153	1.629.398,67	594.350,17	
26	M 177	1.629.169,43	595.031,37	Đập phụ
27	M 179	1.629.331,25	595.012,82	
28	M 180	1.629.134,38	595.025,95	
29	M 183	1.629.089,90	595.015,15	
30	M 184	1.629.294,61	595.097,82	
31	M 187	1.629.287,42	595.110,66	
32	M 189	1.629.325,05	594.956,36	
33	M 190	1.629.295,72	595.041,15	
34	M 191	1.629.292,08	595.007,27	
35	M 192	1.629.245,12	595.012,46	
36	M 193	1.629.232,84	595.117,67	
37	M 194	1.629.231,89	595.102,13	
38	M 195	1.629.224,84	595.012,03	
39	M 196	1.629.212,68	595.032,62	
40	M 197	1.629.209,61	595.099,36	
41	M 198	1.629.103,11	595.047,42	
42	M 199	1.629.041,90	594.993,83	

TT	Tên mốc	Hệ tọa độ (VN2000, Kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°)		Ghi chú
		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	
43	M 200	1.629.025,25	595.013,54	

Sau khi Dự án thủy điện Đắk Lô 1 được thi công thì hiện tại:

- Không xảy ra tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình; không có các hoạt động gây cản trở đến việc quản lý, sửa chữa và xử lý công trình khi có sự cố;
- Không có các hành vi trái phép gây mất an toàn cho công trình trong phạm vi bảo vệ như: Khoan, đào đất đá, xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ gây mất an toàn cho công trình; Sử dụng chất nổ gây hại; Vận hành công trình trái với quy trình, quy phạm kỹ thuật đã được quy định và các hành vi khác gây mất an toàn cho công trình.

4. PHẠM VI KHU VỰC ĐẬP

Khu vực đập đầu mối của công trình thuộc xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi.

Thủy điện Đắk Lô 1 dung tích toàn bộ hồ chứa là $0,418 \times 10^6 \text{ m}^3$, gồm có Đập chính và Đập phụ. Đập chính có chiều cao lớn nhất là 21,00m (vai phải) và 24,50m (vai trái), đập tràn kiểu tự do ở chiều cao tràn lớn nhất là 24,0m; Đập phụ có chiều cao lớn nhất 11,80m, cấp thiết kế được phê duyệt công trình là cấp III theo QCVN 04-05:2012/BNNT; cấp III (theo QCVN 27:2025/BCT), phạm vi bảo vệ đập, vùng phụ cận thủy điện tối thiểu là 50m, tính từ chân đập trở ra (Theo điểm a, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2026 của Chính phủ).

5. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CẤM MỐC

5.1 Lập bản đồ nền

Xây dựng bản đồ nền tỷ lệ 1/10.000 bằng sử dụng bản đồ địa hình tỉ lệ 1/2000 (đường đồng mức 1m) bao trùm toàn bộ khu vực đập đầu mối (hệ VN-2000 kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°, K = 0,9999) đã được tư vấn khảo sát địa hình thiết lập để thiết kế bố trí mốc giới.

Cập nhật hiện trạng công trình chính, ranh giới bồi thường giải phóng mặt bằng, đường giao thông,..... lên bản đồ nền.

5.2 Thiết kế dự kiến vị trí mốc giới trên bản đồ nền, quy cách mốc giới

5.2.1 Nguyên tắc, kỹ thuật xác định vị trí mốc

Căn cứ vào ranh giới bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) bằng cao trình mực nước lũ kiểm tra (MNLKT) đã được thiết lập trên bản đồ nền, bố trí vị trí mốc như sau:

Khoảng cách các mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập (Thực hiện theo điểm a, Khoản 2, Điều 21 - Thông tư 08/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 26/01/2026 quy định khoảng cách của 02 mốc liền nhau là 100m; trường hợp đập gần khu đô thị, dân cư tập trung là 50 m)

Đối với đập Đắk Lô 1: Cấm mốc tại các điểm chuyển hướng, trên đoạn thẳng khoảng cách giữa hai mốc liền nhau tối đa là 100m.

Do địa hình khu vực thủy điện Đắk Lô 1 cũng gần đường giao thông và xung quanh là đất trồng cây hằng năm của người dân, để đảm bảo phục vụ công tác quản lý, khoảng cách các mốc được bố trí trung bình 79,8m/mốc tại đập chính và 92.3m/mốc tại đập phụ, vị trí các mốc chỉ giới bảo vệ đập thể hiện trong sơ đồ bố trí mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện đính kèm phương án này.

5.2.2 Thu thập tài liệu

5.2.2.1 Các tài liệu trắc địa và địa chính khu vực công trình

Các tài liệu trắc địa và địa chính đã được thực hiện trong giai đoạn thiết kế cơ sở (lập dự án đầu tư), thiết kế kỹ thuật, lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1 làm cơ sở thực hiện công tác cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập công trình thủy điện Đắk Lô 1, cụ thể gồm:

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000 vị trí công trình, Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3° , hệ cao độ Quốc gia.

- Hệ độ cao thủy chuẩn hạng II quốc gia mang số hiệu II (TT-KT)18 có cao độ là 1163.548m (hệ độ cao quốc gia - Hòn Dấu Hải Phòng) do trung tâm thông tin dữ liệu Đo đạc và Bản đồ cung cấp.

- Đo dẫn thủy chuẩn hạng IV từ độ cao hạng II Nhà nước (có mã hiệu II (TTKT)18 cao độ là 1163.548) tới mốc đường chuyền hạng IV nhằm thống nhất toàn bộ độ cao công trình thủy điện Đắk Lô 1, 2 & 3.

- Điểm mốc cơ sở toạ độ đường chuyền hạng IV và độ cao thủy chuẩn hạng IV đã được lập từ giai đoạn Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Thủy điện Đắk Lô 1 trong khu vực.

Số TT	Tên điểm	Cấp hạng	Toạ độ VN 2000 (Kinh tuyến $107^{\circ}30'$, múi 3°)		Độ cao thủy chuẩn (m)	Ghi chú
			X (m)	Y (m)		
1	HIV-11	Đường truyền hạng IV	1.629.491,645	595.192,447	385,860	
2	HIV-12	Đường truyền hạng IV	1.629.455,931	595.113,726	389,573	

3	HIV-13	Đường truyền hạng IV	1.629.397,210	594.968,588	408,623	
---	--------	----------------------	---------------	-------------	---------	--

Trên cơ sở điểm khống chế quốc gia đơn vị tư vấn khảo sát đầu tư đo nối về khu vực công trình và tính toán bình sai chặt chẽ đảm bảo độ chính xác phục vụ công tác khống chế cơ sở và thi công công trình.

5.2.2.2 Các tài liệu khảo sát địa hình đã thực hiện của công trình

Công tác khảo sát địa hình do Công ty Cổ phần Xây dựng & Thương mại Hoàng Phát thực hiện tháng 11/2021:

Bảng 4: Khối lượng khảo sát địa hình đã thực hiện

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng Hợp đồng	Khối lượng thực hiện
1	Lưới đường chuyên cấp 2, địa hình cấp IV	điểm	3	3
2	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp IV	km	2	1,52
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 1m, địa hình cấp IV	ha	12,2	12,5
4	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn, địa hình cấp IV	100m	4,5	5,81
5	Phát tuyến	ha	3,05	3,05

5.2.2.3 Các công tác và khối lượng khảo sát địa hình thực hiện ở giai đoạn lập TKBVTC

Xây dựng mốc cơ sở tọa độ đường truyền hạng IV (độ cao, tọa độ) Tại tuyến đập: Số lượng 03 mốc (DCN-1, DCN-2, DCN-3).

Xây dựng lưới khống chế độ cao: Lưới thủy chuẩn hạng IV: 1,52 km.

Mốc độ cao lưới thủy chuẩn kỹ thuật được xây dựng ngay trên các mốc lưới đường chuyên cấp 2 để tiện cho việc khai thác và sử dụng sau này.

Bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 được đo theo phương pháp toàn đạc, trên cơ sở các điểm khống chế mặt bằng và độ cao lưới đường chuyên hạng IV, đường chuyên cấp 2, lưới khống chế đo vẽ, lưới giao hội, các điểm trạm máy..v.v...

Đường bình độ được vẽ theo phương pháp nội suy, khoảng cao đều các đường bình độ con là 1m. Hệ tọa độ sử dụng VN2000, kinh tuyến trực 107° 30'00", múi chiếu 3°, hệ độ cao Quốc gia.

Đo mặt cắt dọc (3 mặt cắt) tổng khối lượng là 5,81 km.

5.2.2.4 Đánh giá sơ bộ tài liệu và các mốc khống chế hiện có

- Các tài liệu địa hình, địa chính đã được thiết lập trong giai đoạn đầu tư xây dựng (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và công tác bồi thường GPMB) công trình thủy điện Đắk Lô 1 do đơn vị tư vấn chuyên ngành lập và được tư vấn thẩm tra độc

lập khẳng định chất lượng. Đồng thời được Sở Công Thương tỉnh Kon Tum (cũ) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án thủy điện Đăk Lô 1 tại công văn số 79/SCT-QLNL ngày 10/01/2022. Chất lượng, khối lượng khảo sát địa hình đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành đủ điều kiện kỹ thuật để lập phương án và thi công xây dựng mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập.

- Qua kiểm tra, các mốc cơ sở (Quốc gia) và mốc khống chế công trình hạng IV, đường chuyên cấp 1, 2 đều ổn định và đảm bảo kỹ thuật, Chủ đầu tư đã triển khai kiểm tra, đối chiếu số liệu thực tế và các tài liệu Báo cáo địa hình, thiết kế cơ sở đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

5.3 Quy cách mốc chỉ giới

5.3.1 Nguyên tắc kỹ thuật xác định mốc chỉ giới

Theo điểm a, khoản 2, Điều 21 của Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT, ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Đối với đập thủy điện Đăk Lô 1 quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư này, khoảng cách giữa hai mốc liền nhau tối đa là 100m.

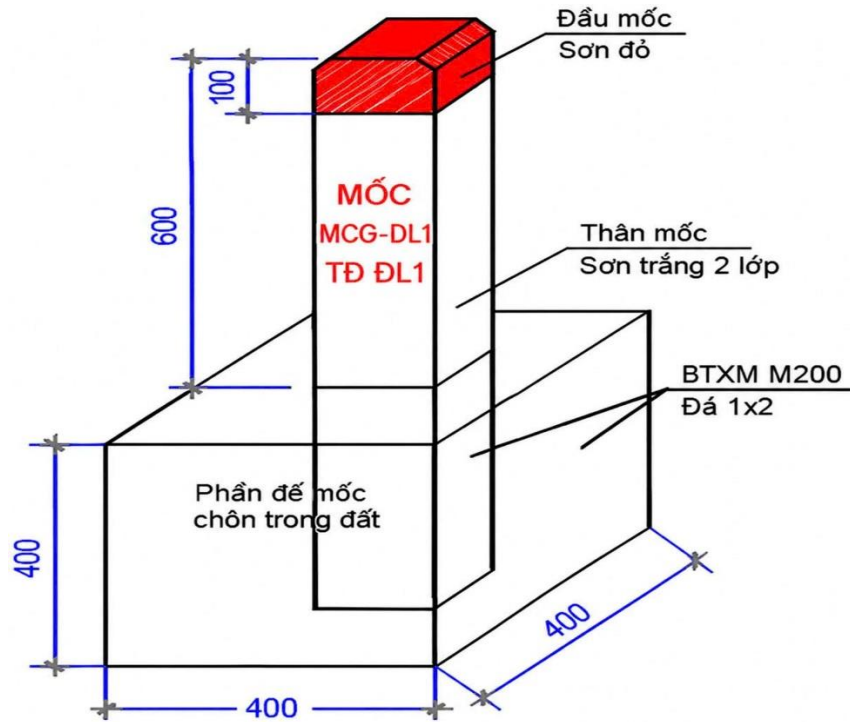
5.3.2 Quy cách mốc chỉ giới

Theo điểm a, b khoản 1, Điều 21 của Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT, ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Cột mốc bao gồm thân mốc và đế mốc: Thân mốc bằng bê tông cốt thép mác 200 đúc sẵn, mặt cắt ngang thân mốc hình vuông, kích thước 15x15cm. Đế mốc bằng bê tông mác 200 đổ tại chỗ, kích thước mặt cắt ngang 40x40cm, mặt trên đế mốc bằng mặt đất tự nhiên, chiều sâu từ 30 - 60cm, tùy thuộc vào địa hình khu vực cắm mốc và yêu cầu quản lý;

b) Thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50-70 cm. Phần trên cùng cao 10 cm từ đỉnh cột trở xuống sơn màu đỏ, phần còn lại sơn màu trắng. Trên thân mốc có ký hiệu MCG và được đánh số hiệu chi tiết MCG-DL1-01, MCG-DL1-02 đến MCG-DL1-17 chữ số được ghi bằng chữ in hoa đều nét, khắc chìm, tô bằng sơn đỏ.

c) Mốc tham chiếu cắm mới có kích thước, hình thức giống mốc giới cần cắm, có ký hiệu MTC và được đánh số hiệu chi tiết MTC.01....



Hình 2. Quy cách mốc chỉ giới bảo vệ đập theo thông tư 08/2026/TT-BNNMT

5.4 Số lượng mốc cần cắm

Khối lượng mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập chính và đập phụ thủy điện Đăk Lô 1 trên địa phận xã Kon Plông tỉnh Quảng Ngãi gồm 17 cột mốc trên mặt đất (MCG-ĐL1-01 đến MCG-ĐL1-17), hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3° . Vị trí cắm mốc theo chủ thể sử dụng đất cụ thể như sau:

- Vị trí cắm mốc thuộc phạm vi diện tích đất do UBND xã Kon Plông quản lý là 02 mốc MCG-ĐL1-16- MCG-ĐL1-17 ở đập phụ.

- Vị trí cắm mốc thuộc phạm vi diện tích đất do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý là 05 mốc, trong đó:

+ Khu vực bảo vệ đập chính là 03 mốc gồm mốc MCG-ĐL1-01, MCG-ĐL1-02 và MCG-ĐL1-11 tại khoảnh 10 tiểu khu 426;

+ Khu vực bảo vệ đập phụ là 02 mốc gồm mốc MCG-ĐL1-14 tại khoảnh 10 tiểu khu 430 và MCG-ĐL1-02 và MCG-ĐL1-15 tại khoảnh 10 tiểu khu 432;

- Vị trí cắm mốc thuộc phạm vi diện tích đất đã được thu hồi và bàn giao cho Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3 quản lý, sử dụng là 10 mốc bao gồm các mốc từ MCG-ĐL1-03 đến MCG-ĐL1-10, mốc MCG-ĐL1-12- MCG-ĐL1-13.

Bảng 5: Tọa độ và vị trí cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập

STT	Ký hiệu	Kinh tuyến trực 107 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰		Độ cao (m)	K/c giữa các mốc (m)	K/c với đập (m)
		X	Y			
I. Mốc chỉ giới đập chính						
1	MCG-DL1-01	1.629.694,02	594.241,36	423,50	64,50	62,40

2	MCG-DL1-02	1.629.699,26	594.304,01	410,00	71,20	53,10
3	MCG-DL1-03	1.629.668,80	594.368,33	408,00	97,50	59,50
4	MCG-DL1-04	1.629.611,03	594.446,88	400,00	73,30	53,20
5	MCG-DL1-05	1.629.543,31	594.461,48	435,50	63,10	52,90
6	MCG-DL1-06	1.629.513,03	594.406,10	408,00	89,80	57,50
7	MCG-DL1-07	1.629.428,31	594.376,30	405,00	96,10	96,10
8	MCG-DL1-08	1.629.437,33	594.280,63	405,00	68,80	182,90
9	MCG-DL1-09	1.629.498,76	594.249,53	405,00	96,10	146,00
10	MCG-DL1-10	1.629.549,09	594.167,13	405,00	87,30	150,40
11	MCG-DL1-11	1.629.631,87	594.194,42	408,00	70,20	84,50
II. Mốc chỉ giới đập phụ						
12	MCG-DL1-12	1.629.292,08	595.007,27	420,00	98,30	57,80
13	MCG-DL1-13	1.629.287,84	595.105,51	415,00	89,40	59,90
14	MCG-DL1-14	1.629.228,23	595.172,11	450,00	94,70	80,30
15	MCG-DL1-15	1.629.167,77	595.099,20	430,00	92,90	61,20
16	MCG-DL1-16	1.629.175,70	595.006,66	422,00	96,20	62,50
17	MCG-DL1-17	1.629.244,75	594.937,71	445,00	82,50	75,90

5.5 Phương án định vị mốc

5.5.1 Công tác kỹ thuật tại hiện trường

Phạm vi bảo vệ đập, vị trí (tọa độ) các mốc lưới đo vẽ, các mốc đường viền trên phương án lập là dự kiến được giả thuyết trên nền bản đồ nền tỷ lệ 1/10.000. Khi triển khai khảo sát và xây dựng mốc, kết quả đường viền, mốc, số lượng sẽ phụ thuộc vào địa hình thực tế, sẽ điều chỉnh theo đúng các nguyên tắc, yêu cầu cấm mốc chỉ giới nêu trên và sẽ được hoàn công theo đúng quy định xây dựng cơ bản hiện hành.

5.5.2 Công tác lập lưới tọa độ

Để xác định chính xác tọa độ vị trí các mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập cần phải thành lập lưới đo vẽ xác định tọa độ các mốc đo vẽ trung gian, phương pháp thực hiện như sau:

Trên cơ sở mốc tọa độ Quốc gia hạng III (837419 và 837409) và 03 mốc thi công hạng IV (DCN-1, DCN-2, DCN-3) trong giai đoạn thi công xây dựng tại vị trí đập. Mốc đường chuyên cấp II: 43 mốc, đã được định vị tại hiện trường, được thực hiện trong giai đoạn đo đạc cấm mốc GPMB khu vực đập. Tiến hành thi công công tác cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập.

Quá trình đo đạc được thực hiện theo đúng các quy phạm hiện hành.

5.5.3 Công tác xác định vị trí xây dựng mốc giới ngoài thực địa

5.5.3.1 Xây dựng mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập

Mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ của công trình thủy điện Đăk Lô 1 được bố trí dựa vào cao độ tọa độ của bản đồ địa hình khu vực đập, lòng hồ và hồ sơ thiết kế công trình thủy điện do chủ đầu tư cung cấp.

Tọa độ các điểm chi tiết của các mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập được xử lý và tính toán trên máy vi tính bằng chương trình các phần mềm AutoCad, Microstation v8XM. Số liệu được chuyển vào máy toàn đạc điện tử. Từ máy toàn đạc điện tử (Topcon GTS-102N hoặc một số loại máy khác có sai số tương đương) đã được nhập tọa độ các điểm mốc vào máy sau đó ra thực địa. Các điểm mốc giới phạm vi bảo vệ đập được xác định theo phương pháp theo chế độ tìm điểm của chương trình máy (Topcon GTS-102N hoặc một số loại máy khác có sai số tương đương) kết hợp phương pháp nhích dần để xác định cao độ, tọa độ các điểm mốc này thật chính xác và yêu cầu cắm mốc nêu trên bằng các mốc gỗ.

5.5.3.2 Đúc mốc

Bê tông được đúc sẵn tại bãi, ở một số vị trí thuận lợi trong khu vực đập, thuận tiện cho việc vận chuyển đến các vị trí chôn mốc. Vận chuyển vật liệu đến công trình bằng xe tải nhẹ hoặc xe thô sơ. Vận chuyển mốc bê tông đúc sẵn đến vị trí chôn bằng xe máy và bằng thủ công ...

Mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 1 trên địa phận xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi gồm: 17 mốc trên mặt đất có kí hiệu là MCG-DL1-01 đến MCG-DL1-17.

Phương án đúc mốc sao cho vừa thuận lợi cho công tác vận chuyển từ bãi đúc mốc tập trung đến từng vị trí phải chôn mốc đảm bảo chất lượng và chi phí. Phương án tối ưu nhất ở đây được chọn là: Các mốc bê tông được đúc sẵn dọc theo đường giao thông gần bờ đập, đây là những vị trí nằm cạnh đập đầu mối nên thuận lợi cho việc vận chuyển các mốc đến từng vị trí chôn mốc.

5.5.3.3 Chôn mốc

Các mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập được bố trí theo Phương án đã được phê duyệt, đảm bảo diện tích chiếm dụng đất phù hợp với Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 16/05/2021 về việc chấp nhận chủ trương đầu tư và Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lô 1-3 thực hiện Dự án thủy điện Đăk Lô 1. Tuy nhiên căn cứ vào tình hình địa hình thực tế để điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo độ ổn định lâu dài của mốc và dễ quản lý sử dụng sau này.

Các công việc cơ bản triển khai thực hiện để chôn mốc ở thực địa bao gồm:

- Vận chuyển mốc từ vị trí đúc mốc đến địa điểm chôn mốc;
- Quá trình vận chuyển phải đảm bảo mốc không bị nứt, gãy hoặc biến dạng;
- Đào hố để chôn mốc bằng thủ công;
- Dựng mốc định vị;
- Mốc được chôn cố định xuống đất, đảm bảo tồn tại lâu dài, dễ nhận biết, dễ sử dụng và quản lý. Mốc phải được chôn thẳng đứng, vững chắc, phần nổi trên mặt đất cao 50 cm. Mặt mốc có kí hiệu quay về phía dễ nhìn thấy (ngược hướng từ lòng

hồ nhìn vào). Đối với khu vực chôn mốc có địa hình gồ ghề, cây cối rậm rạp, cần phát quang hay đào nền cho bằng phẳng để phục vụ cho công tác chôn mốc.

5.5.3.4 Đo đạc xác định vị trí tọa độ các mốc giới

Để làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý lâu dài các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, giúp cho công tác lưu trữ và khôi phục lại vị trí các mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập khi bị hư hỏng trong quá trình sử dụng, vị trí các mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập ở thực địa phải được đo nối tọa độ với hệ thống tọa độ Quốc gia hiện có của công trình thủy điện Đăk Lô 1, trình tự thực hiện việc đo đạc xác định tọa độ các mốc giới như sau:

Xuất phát từ hệ thống khống chế tọa độ lưới tam giác hạng IV, điểm đường chuyền cấp 1, 2 đã được định vị tại hiện trường, dùng phương pháp đường chuyền thực hiện trắc đạc hoặc bằng công nghệ GPS để xác định tọa độ chính xác vị trí các điểm mốc giới đã thi công xây dựng dựa theo sơ đồ tuyến đã thiết kế trên bản đồ nền;

Hoặc từ các mốc của lưới đường chuyền đo vẽ, dùng máy toàn đạc điện tử Topcon GTS-102N (4 gương cao 4,6m) và các phụ kiện kèm theo đo khoảng cách, đo góc so với mốc lưới đo vẽ để xác định tọa độ mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập, phương pháp xác định bao gồm:

- Bằng các tuyến đường chuyền kinh vĩ đơn hoặc khép kín;
- Bằng giao hội giải tích, giao hội thuận nghịch và bên cạnh;
- Bằng phương pháp tọa độ cực có khép kín hướng gốc hoặc khép tọa độ.
- Tính toán bình sai tọa độ bằng phần mềm chuyên dụng.
- Lập bảng thống kê số lượng và tọa độ các mốc giới.

5.5.3.5 Thành lập bản đồ vị trí

Dựa vào tọa độ các mốc giới đã được đo đạc, tiến hành đưa các vị trí mốc giới vào bản đồ nền tỉ lệ 1:10.000 và lập bảng thống kê số lượng, tọa độ các mốc giới để phục vụ công tác quản lý. Lập Báo cáo công tác xây dựng mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập, phối hợp với Chủ đầu tư bàn giao mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập cho UBND cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ.

5.5.3.6 Đo đạc và bình sai

Công tác đo đạc và bình sai thực hiện theo đúng theo các quy định sau:

- Quy phạm lưới tam giác hạng IV đo nối với các điểm tọa độ hạng cao độ quốc gia (Cục đo đạc và bản đồ nhà nước).

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ: 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000; theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ: 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000; theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quy phạm không chế mặt bằng - cao độ cơ sở trong công trình thủy lợi.

6. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, VẬT TƯ, VẬT LIỆU THI CÔNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

6.1 Công tác chuẩn bị

Ngay sau khi phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đắk Lô 1 được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt, Chủ đầu tư thực hiện công tác cấm mốc chỉ giới.

Chủ đầu tư nhận mặt bằng thi công đồng thời làm các thủ tục với địa phương để triển khai công việc.

Chuẩn bị các vật tư, thiết bị máy móc cần thiết để phục vụ ăn ở, đi lại và làm việc cho Cán bộ kỹ thuật tại hiện trường.

Huy động nguồn nhân lực và thiết bị máy móc đáp ứng yêu cầu của phương án để triển khai công việc đúng theo tiến độ yêu cầu.

6.2 Tổ chức nhân lực, nhân sự và vật tư thiết bị chính

6.2.1 Phân bố, phối hợp phạm vi và điều phối thực hiện

Đài KTTV tỉnh Quảng Ngãi: Thực hiện công tác lập phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đắk Lô 1.

Công ty TNHH thủy điện Đắk Lô 1-3 thi công và tổ chức công tác giám sát thi công công tác cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đắk Lô 1.

6.2.2 Nhân lực (bao gồm tư vấn phối hợp)

6.2.2.1 Lực lượng tham gia chính

Công tác địa hình:

- Kỹ sư : 01 người
- Cao đẳng : 01 người
- Lao động phổ thông công tác địa hình: 01 người

Công tác xây dựng mốc:

- Kỹ sư xây dựng : 01 người
- Công nhân xây dựng : 01 người
- Lao động phổ thông : 01 người

Công tác trắc địa: Bố trí 01 tổ máy đo đạc trắc địa (2 người/tổ) thực hiện công tác đo đạc và 01 tổ xây dựng mốc (3 người).

6.2.2.2 Vật tư, thiết bị

Máy RTK GPS 2 Tần Số (GALAXY G1): 01 bộ.

Máy toàn đạc điện tử Topcon GTS 102N : 01 bộ (4 gương cao 4,6m).

Máy thủy bình Nikon-NE20S : 01 bộ.

Thước thép 50m : 01 bộ.

Bộ đàm Kenwood : 01 bộ.

Máy tính xách tay các loại : 01 bộ.

Máy in A3 Canon : 01 bộ.

Các phần mềm chuyên dùng: Trimsys, AutoCAD, ToPo, Microstation, GPSURVERY 2.35, ProNet 2002...; Các máy móc, thiết bị đều được kiểm nghiệm, hiệu chỉnh đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng.

6.3 Phương án giải phóng mặt bằng

Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện như sau:

- Đối với bãi tập kết vật liệu đúc mốc thì dùng bãi tập kết vật liệu của công trình đang thi công đập và tận dụng mặt bằng hiện có tại công trường thủy điện để đổ mốc tập trung.

- Đối với mặt bằng các vị trí cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập nằm trong phạm vi đất đã được bồi thường, GPMB để xây dựng công trình thủy điện Đắk Lô 1 không phải bồi thường, giải phóng mặt bằng bổ sung.

- Đối với mặt bằng các vị trí cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập nằm trong phần đất thuộc sở hữu của hộ dân thì thực hiện công tác thỏa thuận và đền bù theo như biên bản làm việc đã ký với từng hộ dân.

7. TIẾN ĐỘ CẤM MỐC, BÀN GIAO MỐC

7.1 Tiến độ cấm mốc

Tổng thời gian là 15 ngày (kể từ lúc phương án được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt)

- Công tác định vị mốc: 2 ngày.
- Đúc mốc và tổ chức cấm mốc: 5 ngày.
- Công tác kiểm tra bàn giao sản phẩm: 8 ngày

7.2 An toàn lao động và vệ sinh môi trường

Do điều kiện hiện trường thi công vùng rừng núi, sông suối phức tạp nên trong quá trình triển khai thực hiện công việc, đơn vị chú trọng đảm bảo tốt các điều kiện, yêu cầu về an toàn cho người và vật tư thiết bị tại hiện trường, cụ thể như sau:

- Đối với con người:

+ Tất cả các cán bộ kỹ thuật và công nhân làm việc tại hiện trường đều được trang bị bảo hộ lao động và tuân thủ các nguyên tắc về sử dụng bảo hộ khi thực hiện các công việc được giao.

+ Trang bị các phương tiện, thiết bị y tế dự phòng để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ trong suốt thời gian thực hiện công việc.

+ Thường xuyên phổ biến và quán triệt về công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tại công trường, đảm bảo tốt vệ sinh nơi ở và nơi làm việc.

- Đối với máy móc thiết bị:

+ Tất cả các máy móc thiết bị đều phải kiểm tra chất lượng trước khi đưa vào sử dụng. Đặc biệt chú ý các thiết bị máy móc có liên quan đến nguồn điện, phải có dây tiếp đất và các biện pháp an toàn đúng quy định.

+ Thiết bị máy móc sử dụng tại hiện trường phải đảm bảo công tác kiểm định và phù hợp về chủng loại, số lượng, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình sử dụng.

+ Người sử dụng máy móc thiết bị phải tuân thủ đầy đủ quy tắc kiểm tra, vận hành và bảo dưỡng theo đúng quy trình.

- Công tác vệ sinh môi trường và quan hệ địa phương: Đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường khu vực khảo sát trong suốt thời gian thực hiện công việc tại hiện trường. Đồng thời, thông báo thường xuyên với UBND các cấp kế hoạch thi công xây dựng mốc, phối hợp với chính quyền tổ chức tuyên truyền mục đích xây dựng mốc giới, quy định quản lý và giải pháp bảo vệ mốc giới với đồng bào địa phương để tạo sự đồng thuận cao khi cùng thực hiện đúng chủ trương nhà nước.

7.3 Công tác bàn giao, quản lý mốc chỉ giới

7.3.1 Công tác vận động, tuyên truyền

Chủ đầu tư phối hợp chính quyền địa phương vận động, tuyên truyền đến nhân dân về việc xác định tọa độ, cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đắk Lô 1 ngoài thực địa.

Cấm các biển báo về quy định phạm vi cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập Đắk Lô 1 để cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất trong khu vực biết.

7.3.2 Công tác bàn giao và quản lý

Sau khi thực hiện xong công việc tại hiện trường Chủ đầu tư sẽ hoàn thiện và báo cáo công tác xây dựng mốc kiểm tra vị trí chôn mốc thực tế trên thực địa, tính phù hợp của vị trí chôn đúng với tọa độ báo cáo theo hồ sơ hoàn công và thực hiện nghiệm thu theo quy trình quản lý xây dựng hiện hành. Trong quá trình kiểm tra thực địa có mời sự giám sát của các Sở, ngành và đơn vị liên quan.

Sau đó Chủ đầu tư bàn giao mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đắk Lô 1 cho chính quyền địa phương phối hợp quản lý. Đồng thời chủ đầu tư phối hợp với địa phương phổ biến, tuyên truyền cho nhân dân địa phương cùng tham gia bảo vệ phạm vi bảo vệ đập này.

Trách nhiệm quản lý bảo vệ mốc ranh giới công trình được phân như sau:

- Chủ đầu tư phải đảm bảo các mốc phải được cấm theo đúng vị trí và có tọa độ đính kèm khi bàn giao và chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các mốc ranh đường biên trong, nghiêm cấm mọi hoạt động trong phạm vi không được xâm phạm và theo dõi các hoạt động sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.
- Địa phương nhận bàn giao và phối hợp với Chủ đầu tư bảo quản các mốc chỉ giới và theo dõi các hoạt động sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.
- Các mốc ranh giới đất công trình sau khi chôn và xác định tọa độ phải lập biên bản bàn giao 03 bên: Tư vấn, Chủ đầu tư và địa phương.

Trong quá trình bàn giao, nếu Chủ đầu tư hoặc địa phương có yêu cầu thay đổi, điều chỉnh vị trí các mốc tại hiện trường cho phù hợp với thực tế thì cần có sự thống nhất giữa tất cả các bên và ghi rõ vào biên bản được cấp có thẩm quyền cho phép.

Hồ sơ mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 1 sau khi hoàn tất việc cấm mốc bao gồm các nội dung sau:

- Bản đồ mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập được thể hiện trên bản đồ giấy giấy và bản đồ số.
- Biên bản bàn giao mốc cho chính quyền địa phương.
- Bảng kê cao tọa độ các mốc.

7.3.3 Kiểm tra, bàn giao tại thực địa

Sau khi hoàn thành công tác xây dựng mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập công trình thủy điện Đăk Lô 1 theo phương án được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt sẽ tổ chức bàn giao ngay tại thực địa cho các địa phương quản lý theo quy định.

- Thành phần bàn giao:
 - + Bên giao (Chủ đập): Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3.
 - + Bên nhận (quản lý): UBND xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thành phần tham gia:
 - + UBND xã Kon Plông.
 - + Các Sở, ngành, đơn vị liên quan.

Công tác bàn giao lập thành biên bản giao, nhận mốc tại thực địa giữa các bên.

7.3.4 Bàn giao hồ sơ mốc

Chủ đập bàn giao giao hồ sơ hệ thống mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 1 để địa phương cấp xã quản lý theo quy định. Đồng thời gửi UBND tỉnh Quảng Ngãi và Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi 01 bộ để báo cáo, theo dõi, chỉ đạo. Sản phẩm giao nộp theo như điểm 6.

7.3.5 Quản lý, bảo vệ mốc

Theo quy định tại Điều 24 nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ, sau khi nhận bàn giao hệ thống mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 1 và hồ sơ liên quan từ Chủ đầu tư, UBND xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi thực hiện quản lý và bảo vệ mốc theo quy định. Trường hợp mốc chỉ giới bị mất hoặc hư hỏng, UBND xã Kon Plông thông báo cho Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3 biết để thay thế.

Công tác bảo vệ mốc và quản lý trong phạm vi bảo vệ đập thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật.

Trường hợp có các vị trí có nguy cơ mất an toàn cao đối với người và gia súc thì Chính quyền địa phương phối hợp cùng chủ công trình bổ sung thêm các biện pháp an toàn như hệ thống cảnh báo, rào chắn,... tùy theo điều kiện cụ thể.

7.3.6 Sản phẩm giao nộp

Bản đồ vị trí mốc chỉ giới tỷ lệ 1/10.000: 04 bộ (lưu ở 03 cấp: Chủ đầu tư 02 bộ, xã Kon Plông 01 bộ, Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi 01 bộ).

Bảng danh mục và tọa độ các mốc chỉ giới: 04 bộ (lưu ở 03 cấp: Chủ đầu tư 02 bộ, xã Kon Plông 01 bộ, Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi 01 bộ).

Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu: 04 bộ;

Các File tài liệu (File tọa độ và bản đồ số): 01 bộ.

8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3 có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Kon Plông, công bố công khai phương án cấm mốc chỉ giới, tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân xã Kon Plông để phối hợp quản lý, bảo vệ.

PHƯƠNG ÁN
CẨM MỐC CHỈ GIỚI XÁC ĐỊNH PHẠM VI BẢO VỆ ĐẬP
THỦY ĐIỆN ĐẮK LÔ 1
ĐỊA ĐIỂM: XÃ KON PLÔNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

VĂN BẢN PHÁP LÝ

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1071/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 03 tháng 1 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch các Dự án thủy điện
Đăk Lô 1, Đăk Lô 2, Đăk Lô 3, Đăk Krin, Ngọc Tem và Plei Kần
trên địa bàn tỉnh Kon Tum

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết số 329/QĐ-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về nguyên tắc và thứ tự thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch các dự án điện;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Xét đề nghị tại các văn bản:

- Tờ trình số 36/TTr-TĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 và Văn bản số 10/2020/VB-GKC ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH GKC, Văn bản số 578/UBND-KTHT ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh quy hoạch Cụm dự án thủy điện Đăk Lô 1, 2, 3, kèm theo Báo cáo điều chỉnh quy hoạch Dự án thủy điện Đăk Lô 1, 2, 3 do Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Nam – Canada lập tháng 3 năm 2020;

- Văn bản số 3611/UBND-HTKT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh quy hoạch Dự án thủy điện Đăk Krin, kèm



theo Báo cáo điều chỉnh quy hoạch Dự án thủy điện Đăk Krin do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Phúc Thành lập tháng 7 năm 2018;

- Văn bản số 692/UBND-HTKT ngày 10 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh quy hoạch Dự án thủy điện Ngọc Tem, kèm theo Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án thủy điện Ngọc Tem do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện Hà Nội lập tháng 12 năm 2018;

- Văn bản số 2539/UBND-HTKT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh quy hoạch Dự án thủy điện Plei Kần, kèm theo Báo cáo điều chỉnh quy hoạch công trình thủy điện Plei Kần do Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện lập tháng 6 năm 2018;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch các Dự án thủy điện: Đăk Lô 1, Đăk Lô 2, Đăk Lô 3, Đăk Krin, Ngọc Tem và Plei Kần trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Các thông số được điều chỉnh trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các Dự án thủy điện nêu trên sau khi điều chỉnh quy hoạch thuộc Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Kon Tum và sẽ được tích hợp vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quy hoạch ngành quốc gia); Việc đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện này phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: Phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên, phát triển điện lực. Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định có liên quan khác.

Điều 3. Trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình các Dự án thủy điện nêu trên, UBND tỉnh Kon Tum chỉ đạo Chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn và các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện điều tra, khảo sát bổ sung, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên khu vực dự án (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế - xã hội...);

- Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác quy mô mực nước dâng bình thường (MNDBT), mực nước chết (MNC), công suất lắp máy (N_{lm}), điện lượng trung bình năm (E_0) và phương án thiết kế các hạng mục công trình có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn ổn định và giảm thiểu tác động đối với môi trường - xã hội;

- Đánh giá kỹ và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đối với môi trường - xã hội. Trong đó, phải lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các phương án về: Trồng rừng thay thế, đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đập.

- Rà soát, đánh giá kỹ quy hoạch đất rừng các loại và hiện trạng đất rừng của tỉnh, trên cơ sở đó xác định chính xác diện tích chiếm đất các loại của các dự án

thủy điện nêu trên để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các nhà máy thủy điện nêu trên phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liền kề phía thượng và hạ lưu, không ảnh hưởng đến các công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa và các quy hoạch khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

- Tiến độ thực hiện Dự án phải phù hợp với tiến độ xây dựng lưới điện truyền tải trong khu vực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung và thông số khác của dự án không điều chỉnh tại Quyết định này được giữ nguyên như tại các Quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Kon Tum, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ đầu tư các dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ĐL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Quốc Vượng



Phụ lục: Thông số chính của các Dự án thủy điện được điều chỉnh quy hoạch

(Ban hành theo Quyết định số: 1.071/QĐ-BCT ngày 03 tháng 1 năm 2020 của Bộ Công Thương)

TT	Nội dung	Đơn vị	Các thông số trước điều chỉnh	Các thông số được điều chỉnh tại Quyết định này
I	Dự án thủy điện Đăk Lô 1 (đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006)			
1	Vị trí xây dựng		14°43'45" VDB, 108°22'15" KĐĐ	
-	Tuyến đập chính			14°43'58" VDB, 108°22'42" KĐĐ
-	Tuyến đập phụ		-	14°43'53" VDB, 108°23'3" KĐĐ
-	Nhà máy thủy điện		-	14°44'44" VDB, 108°23'13" KĐĐ
2	Tổng diện tích lưu vực (F_{lv})	km ²	86	102
-	Đến tuyến đập chính	km ²	86	88,3
-	Đến tuyến đập phụ	km ²	-	13,7
3	Mức nước dâng bình thường tại tuyến đập chính ($MNDBT_{dc}$)	m	430	405
4	Mức nước dâng bình thường tại tuyến đập phụ ($MNDBT_{dp}$)	m	-	405
5	Mức nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất ($MNHL_{min}$)	m	310	310,4
6	Công suất lắp máy (N_{lm})	MW	5,5	12
7	Điện lượng trung bình năm (E_0)	10 ⁶ kWh	-	39,76
II	Dự án thủy điện Đăk Lô 2 (đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2006 và Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 4264/QĐ-BCT ngày 10 tháng 11 năm 2017)			
1	Công suất lắp máy (N_{lm})	MW	5,5	7,7
2	Điện lượng trung bình năm (E_0)	10 ⁶ kWh	-	25,44

TT	Nội dung	Đơn vị	Các thông số trước điều chỉnh	Các thông số được điều chỉnh tại Quyết định này
III	Dự án thủy điện Đăk Lô 3 (đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2005)			
1	Vị trí xây dựng		14°46'50" VĐB, 108°21'12" KĐĐ	
-	Tuyến đập			14°46'43" VĐB, 108°21'16" KĐĐ
-	Nhà máy thủy điện		-	14°48'4" VĐB, 108°23'27" KĐĐ
2	Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập (F _{lv})	km ²	-	66
3	Mức nước dâng bình thường tại tuyến đập (MNDBT)	m	460	490
4	Mức nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất (MNHL _{min})	m	-	238
5	Công suất lắp máy (N _{lm})	MW	6,2	22
6	Điện lượng trung bình năm (E ₀)	10 ⁶ kWh	-	72,86
IV	Dự án thủy điện Đăk Krin (đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2005)			
1	Vị trí xây dựng		15°07'20" VĐB, 107°49'20" KĐĐ	
-	Tuyến đập			15°07'22,16" VĐB, 107°49'18,76" KĐĐ
-	Nhà máy thủy điện			15°07'16,52" VĐB, 107°48'24,16" KĐĐ
2	Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập (F _{lv})	km ²	-	35,9
3	Mức nước dâng bình thường tại tuyến đập (MNDBT)	m	1080	1088
4	Mức nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất (MNHL _{min})	m	-	932,48
5	Công suất lắp máy (N _{lm})	MW	3,8	7,4
6	Điện lượng trung bình năm (E ₀)	10 ⁶ kWh	-	23,4

TT	Nội dung	Đơn vị	Các thông số trước điều chỉnh	Các thông số được điều chỉnh tại Quyết định này
V	Dự án thủy điện Ngọc Tem (đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1142/QĐ-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2017)			
1	Tọa độ vị trí nhà máy (VN2000)	m	X = 1628474,07	X = 1628873,47
			Y = 539629,72	Y = 539556,96
2	Điểm đầu nối đường ống áp lực với tuyến đường ống áp lực nhà máy thủy điện Đắk Lô hiện hữu		Vị trí mỏ néo N11	Vị trí mỏ néo N14
3	Điện lượng trung bình năm (E_0)	10^6 kWh	17,29	13,14
VI	Dự án thủy điện Plei Kần (đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012)			
1	Mực nước dâng bình thường tại tuyến đập (MNDBT)	m	612,5	609,5
2	Mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất (MNHL _{min})	m	596,16	592,6

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG**
Số:149 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Plông, ngày 06 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

**Thu hồi đất để thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1
tại xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (đợt 1)**

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/ 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/ 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Kon Tum ban hành quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất, bồi thường, tái định cư khi triển khai dự án đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-BCT ngày 03/04/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch các Dự án thủy điện Đắk Lô 1, Đắk Lô 2, Đắk Lô 3, Đắk Krin, Ngọc Tem và Plei Kần trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ (đợt 2) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2019 và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 16/5/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Quyết định chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Dự án công trình thủy điện Đắk Lô 1;

Căn cứ Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chấp thuận và cho phép bổ sung dự án vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Kon Plông;

Xét Tờ trình số 2309/2021/TTr-ĐL1-3 ngày 23/9/2021 của Công ty TNHH Đắk Lô 1-3 V/v xin Phê duyệt kế hoạch thu hồi đất và Thông báo thu hồi đất để điều tra, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án thủy điện Đắk Lô 1; Đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 68 /TTr-TNMT ngày 5/10/2021.

Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1, như sau:

1. Vị trí: Thôn Măng Kri, xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (Kèm theo 9 mảnh trích đo địa chính từ số 12 đến số 20 phục vụ công tác GPMB, bồi thường, thu hồi đất, để đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đắk Lô 1-3 do Công ty Cổ phần kỹ thuật tài nguyên và môi trường TTG Kon Tum lập, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22/9/2021).

2. Diện tích đất đề nghị thu hồi, đo đạc, điều tra, kiểm đếm: 223.627,8 m². Trong đó:

- Đất do Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham quản lý là: 5.313,4 m²;
- + Đất rừng phòng hộ: 5.313,4 m²;
- Đất do UBND xã Ngọc Tem và các hộ gia đình, cá nhân quản lý là: 218.314,4 m², bao gồm:
- + Đất rừng sản xuất: 38.275,0 m²;
- + Đất trồng cây lâu năm: 23.537,6 m²;
- + Đất đồi núi chưa sử dụng: 16.586,3 m²;
- + Đất giao thông: 958,9 m²;
- + Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác: 101.023,2 m²;
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 37.933,4 m²;

3. Đối tượng thu hồi: đất của các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1 (cụ thể có bảng tổng hợp đối tượng và diện tích các loại đất ảnh hưởng kèm theo).

4. Lý do thu hồi: để thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1 tại xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

5. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Sau khi UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1.

6. Thời gian thu hồi đất: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013.

7. Dự kiến kế hoạch di chuyển, tái định cư (nếu có): Sau khi có Quyết định thu hồi đất và thực hiện xong việc chi trả bồi thường theo quy định.

8. Các nội dung khác:

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, UBND xã Ngọc Tem có trách nhiệm thực hiện thông báo thu hồi đất theo đúng quy định tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Kon Tum.

- Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tem và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và các đơn vị liên quan để thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, thống kê tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

Trường hợp người sử dụng đất không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích, thống kê tài sản gắn liền với đất thì cơ quan chức năng triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông báo để Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Công ty TNHH Đắk Lô 1-3 (chủ đầu tư), UBND xã Ngọc Tem, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Ngọc Tem;
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện;
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Ban Dân vận HU;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện Kon Plông (p/h);
- Công ty TNHH Đắk Lô 1-3;
- Lưu VT-LT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Thanh Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Công trình: Thủy điện Đắk Lô 1 (đợt 1)

Địa điểm: Xã Ngok Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Thông báo số 149/TB-UBND ngày 06/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông)

STT	Chủ sử dụng	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích	Diện tích thu hồi đất	Diện tích còn lại	Địa chỉ
1	A Nhớ	CLN	12	1	1695,4	22,5	1672,9	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
2	A Toàng	NHK	12	2	376,2	16,3	359,9	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
3	A Toàng	NHK	12	3	1628,5	45,1	1583,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
4	Đình Văn Đắc	CLN	12	4	1643,5	992,0	651,5	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
5	A Tài	CLN	12	5	2459,6	671,9	1787,7	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
6	A Ruốt	CLN	12	6	326,5	22,9	303,6	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
7	Y Hiếu	CLN	12	7	51,6	0,7	50,9	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
8	Y Ninh	CLN	12	8	153,7	84,6	69,1	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
9	A Đam	CLN	12	9	479,6	24,4	455,2	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
10	Y Bá	CLN	12	10	241,8	115,3	126,5	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
11	A Mừng	CLN	12	11	491,5	421,5	70,0	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
12	A Rùa	CLN	12	12	439,3	439,3	0,0	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
13	Y Đàm	CLN	12	13	172,8	171,5	1,3	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
14	Phạm Trung Thống	CLN	12	14	349	349,0	0,0	Thôn Điék Chè, xã Ngok Tem
15	Đình Minh Diệm	CLN	12	15	2330,1	2258,0	72,1	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
16	A Lạc	CLN	12	16	949,3	949,3	0,0	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
17	A Khách	CLN	12	17	283,5	283,5	0,0	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
18	Đình Văn Tất	CLN	12	18	999,9	887,2	112,7	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem

19	Đình Minh Diễm	CLN	12	19	903,7	148,2	755,5	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
20	A Nhac	CLN	12	20	6789,2	247,6	6541,6	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
21	Đình Văn Toàn	CLN	12	21	2596,4	93,2	2503,2	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
22	UBND xã	SON	12	22	3207,4	2827,8	379,6	Thôn Diék Nót, xã Ngọk Tem
23	Đình Văn Rua	CLN	12	23	562,6	145,5	417,1	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
24	A Hình	NHK	12	24	480,2	480,2	0,0	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
25	A Lạc	CLN	12	25	1259,1	123,6	1135,5	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
26	A Tài	CLN	12	26	1954,8	766,1	1188,7	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
27	A Đơn	CLN	12	27	1586,8	1203,2	383,6	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
28	Y Diệm	CLN	12	28	2712,9	2061,2	651,7	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
29	Bùi Văn Đình	CLN	12	29	899,3	412,2	487,1	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
30	A Biết	CLN	12	30	865,9	168,7	697,2	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
31	A Đậu	CLN	12	31	787,7	446,8	340,9	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
32	Phạm Trung Thống	CLN	12	32	5319,9	2587,7	2732,2	Thôn Diék Chè, xã Ngọk Tem
33	Y Đàm	NHK	12	33	112,3	107,1	5,2	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
34	A Tait	CLN	12	34	988,9	928,4	60,5	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
35	A Quỳnh	CLN	12	35	559,7	269,1	290,6	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
36	BQL PH Thạch Nham	CLN	12	36	724,4	639,6	84,8	xã Hiếu, huyện Kon Plông
37	A Nhac	NHK	12	37	870,4	383,7	486,7	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
38	Đình Văn Ơi	NHK	12	38	2404,2	1082,4	1321,8	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
39	Đình Văn Tháo	NHK	13	1	7927,9	723,1	7204,8	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
40	A Tài	NHK	13	2	25017,1	2293,7	22723,4	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
41	A Nhac	NHK	13	3	4968,4	133,3	4835,1	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
42	UBND xã	RSX	13	4	10588,5	10588,5	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngọk Tem
43	UBND xã	DCS	13	5	663,4	663,4	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngọk Tem
44	UBND xã	DGT	13	6	206,6	206,6	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngọk Tem
45	Y Dâm	NHK	13	7	6221,4	7,4	6214,0	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
46	A Tài	NHK	14	1	4849,5	1545,6	3303,9	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
47	A Đậu	NHK	14	2	2612,9	147,8	2465,1	Thôn Măng Kri, xã Ngọk Tem
48	UBND xã	DCS	14	3	89,6	89,6	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngọk Tem



49	UBND xã	SON	14	4	283,9	96,3	187,6	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
50	A Hàn	NHK	14	5	3312,3	193,5	3118,8	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
51	Đinh Văn Tắt	NHK	14	6	4762,4	1955,9	2806,6	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
52	A Đon	NHK	14	7	5392,5	3253,8	2138,7	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
53	Phạm Ngọc Vinh	CLN	14	8	5823,2	2464,0	3359,2	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
54	Đinh Văn Hiền	CLN	14	9	3091,7	0,2	3091,5	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
55	Y Hoa	NHK	14	10	6798,8	79,4	6719,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
56	A Hình	CLN	14	11	3132,2	173,8	2958,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
57	A Ruốt	NHK	14	12	2089,3	11,0	2078,3	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
58	Y Reo	NHK	15	1	19504,5	3065,1	16439,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
59	UBND xã	SON	15	2	787	787,0	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
60	A Toàng	NHK	16	1	2631,4	923,8	1707,6	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
61	A Nhơ	NHK	16	2	2173,1	551,7	1621,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
62	UBND xã	DCS	16	3	809,5	797,6	11,9	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
63	Đinh Văn Quyết	NHK	16	4	2977,3	467,4	2509,9	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
64	UBND xã	RSX	16	5	5818,8	5818,8	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
65	Y Reo	NHK	16	6	1554	294,9	1259,1	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
66	UBND xã	RSX	16	7	2811,4	2811,4	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
67	Phạm Trung Thống	CLN	16	8	24776,7	1817,3	22959,4	Thôn Diék Chè, xã Ngok Tem
68	Nguyễn Văn Hiếu	NHK	17	1	5401,3	739,9	4661,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
69	A Nhơ	NHK	17	2	4282,8	980,9	3301,9	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
70	A Lạc	NHK	17	3	2046,3	684,5	1361,9	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
71	UBND xã	DCS	17	4	1842	1842,0	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
72	Đinh Minh Đim	NHK	17	5	45268,2	2475,6	42792,6	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
73	UBND xã	DCS	17	6	232,2	232,2	0,0	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
74	Y Diệm	NHK	18	1	3156,6	883,2	2273,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
75	UBND xã	DGT	18	3	476,8	21,3	455,5	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
76	Phạm Trung Thống	CLN	18	5	5806,8	1147,6	4659,2	Thôn Diék Chè, xã Ngok Tem
77	UBND xã	DGT	18	6	1305,9	230,0	1075,9	Thôn Diék Nót, xã Ngok Tem
78	Y Diệm	NHK	18	7	19466,8	9553,6	9913,2	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem

79	Y Hậu	NHK	18	8	5031,8	1147,5	3884,3	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
80	UBND xã	DGT	18	9	471,8	348,8	123,0	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
81	A Lạc	NHK	18	10	24529,4	6526,8	18002,6	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
82	A Lạc	NHK	18	11	66057	21803,1	44253,9	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
83	BQL PH Thạch Nham	RPH	18	12	1769,2	1769,2	0,0	xã Hiếu, huyện Kon Plông
84	UBND xã	RSX	18	13	9062,5	9062,5	0,0	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
85	UBND xã	RSX	18	14	2585,3	2585,3	0,0	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
86	BQL PH Thạch Nham	DCS	18	15	1093,6	1093,6	0,0	xã Hiếu, huyện Kon Plông
87	UBND xã	SON	18	16	40656,2	28637,4	12018,8	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
88	UBND xã	DCS	18	17	1858,2	1858,2	0,0	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
89	BQL PH Thạch Nham	RPH	18	18	693,9	693,9	0,0	xã Hiếu, huyện Kon Plông
90	UBND xã	DCS	18	19	10009,7	10009,7	0,0	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
91	A Tài	NHK	19	1	13919,6	549,8	13369,8	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
92	UBND xã	RSX	19	2	16222,6	4083,2	12139,4	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
93	Huỳnh Minh Lêng	NHK	19	3	49177,3	1710,3	47467,0	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
94	UBND xã	RSX	19	4	3245,1	3086,2	158,9	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
95	A Tài	NHK	19	5	30899,3	15963,3	14936,0	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
96	UBND xã	RSX	20	1	239,2	239,2	0,0	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
97	Y Đăm	NHK	20	2	18908,1	8155,1	10753,0	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
98	Y Đăm	NHK	20	3	6983,5	522,1	6461,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
99	UBND xã	DGT	20	4	354,7	152,2	202,5	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
100	UBND xã	SON	20	5	9066,1	5584,8	3481,3	Thôn Điék Nót, xã Ngok Tem
101	Đinh Minh Đim	NHK	20	6	39683,8	11565,4	28118,4	Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem
102	BQL PH Thạch Nham	RPH	20	7	2850,3	2850,3	0,0	xã Hiếu, huyện Kon Plông
Tổng					656986,8	223627,8	433359,0	

Trong đó:

Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích đo đạc	Diện tích thu hồi
Đất rừng sản xuất (RSX)	50573,4	38275
Đất rừng phòng hộ (RPH)	5313,4	5313,4
Đất trồng cây lâu năm (CLN)	84209	23537,6

Đất trồng cây hàng năm khác (NHHK)	443476,4	101023,2
Đất giao thông (DGT)	2815,8	958,9
Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS)	16598,2	16586,3
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON)	54000,6	37933,4
TỔNG	656986,8	223627,8



THÔNG BÁO
Thu hồi đất để thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1 (Đợt 2)
tại xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/ 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/ 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Kon Tum ban hành quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất, bồi thường, tái định cư khi triển khai dự án đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-BCT ngày 03/04/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch các Dự án thủy điện Đắk Lô 1, Đắk Lô 2, Đắk Lô 3, Đắk Krin, Ngọc Tem và Plei Kần trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 21/12/2006 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ (đợt 2) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 16/5/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Quyết định chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Dự án công trình thủy điện Đắk Lô 1;

Căn cứ Văn bản số 1995/UBND-NNTN ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chấp thuận và cho phép bổ sung dự án vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Kon Plông;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2021 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 2810/2021/TTr-ĐL1-3 ngày 28/10/2021 của Công ty TNHH Đắk Lô 1-3 V/v xin Phê duyệt kế hoạch thu hồi đất và Thông báo thu hồi đất để điều tra, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án thủy điện Đắk Lô 1 (đợt 2); Đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 76/TTr-TNMT ngày 04/11/2021.

Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1 (đợt 2) như sau:

1. Vị trí: Thôn Măng Kri, xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum *(Kèm theo mảnh trích đo địa chính từ số 18 phục vụ công tác GPMB, bồi thường, thu hồi đất, để đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đắk Lô 1-3 do Công ty Cổ phần kỹ thuật tài nguyên và môi trường TTG Kon Tum lập, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22/9/2021).*

2. Diện tích và hiện trạng đất để nghị thu hồi, đo đạc, điều tra, kiểm đếm:

- Diện tích: 371,5 m².

- Hiện trạng: đất trồng lúa nước còn lại.

3. Đối tượng thu hồi: đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng.

(Cụ thể có bảng tổng hợp đối tượng và diện tích các loại đất ảnh hưởng kèm theo)

4. Lý do thu hồi: Để thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1 tại xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

5. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Sau khi UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất thực hiện Dự án thủy điện Đắk Lô 1 (đợt 2).

6. Thời gian thu hồi đất: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013.

7. Dự kiến kế hoạch di chuyển, tái định cư (nếu có): Sau khi có Quyết định thu hồi đất và thực hiện xong việc chi trả bồi thường theo quy định.

8. Các nội dung khác:

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, UBND xã Ngọc Tem có trách nhiệm thực hiện thông báo thu hồi đất theo đúng quy định tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Kon Tum;

- Ủy ban nhân dân xã Ngọc Tem và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và các đơn vị liên quan để thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, thống kê tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

Trường hợp người sử dụng đất không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích, thống kê tài sản gắn liền với đất thì cơ quan chức năng triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông báo để Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Công ty TNHH Đăk Lô 1-3 (chủ đầu tư), UBND xã Ngọc Tem, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Ngọc Tem;
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện;
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Ban Dân vận HU;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chi nhánh VP ĐKĐĐ huyện Kon Plông (p/h);
- Công ty TNHH Đăk Lô 1-3;
- Lưu VT-LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Thanh Nam

PHƯƠNG ÁN
CẮM MỐC CHỈ GIỚI XÁC ĐỊNH PHẠM VI BẢO VỆ ĐẬP
THỦY ĐIỆN ĐẮK LÔ 1
ĐỊA ĐIỂM: XÃ KON PLÔNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

VĂN BẢN THAM GIA Ý KIẾN

Số: 9846 /SNNMT-TL

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Về việc góp ý dự thảo Phương án cấm
mắc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ
đập thủy điện Đăk Lô 1 và thủy điện
Đăk Lô 3

Kính gửi: Sở Công Thương

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Công văn số 5016/SCT-QLNL và Công văn số 5017/SCT-QLNL ngày 09/8/2026 về việc lấy ý kiến dự thảo Phương án cấm mắc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 1 và thủy điện Đăk Lô 3 (*kèm theo dự thảo Phương án và các tài liệu có liên quan*); qua xem xét hồ sơ, kèm theo Tờ trình số 39/TTr/ĐL1-3 và Tờ trình số 41/TTr/ĐL1-3 ngày 03/8/2026 của Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3 (Chủ đầu tư), Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý, đề nghị rà soát, cập nhật, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành: Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi (*hết hiệu lực*); Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước (*tại mục căn cứ của phương án thủy điện Đăk Lô 3 đề cập không đúng*);...

2. Về nội dung phương án

a. Đối với thủy điện Đăk Lô 1

- Ngày ban hành Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT được ghi không thống nhất giữa các phần của hồ sơ: tại Mục 2 "Cơ sở pháp lý xây dựng phương án" (trang 9) ghi ngày 26/01/2026, nhưng tại Mục 5.3.1 và 5.3.2 (trang 15) lại ghi ngày 26/01/2016. Đề nghị kiểm tra, thống nhất lại theo đúng ngày ban hành thực tế của Thông tư.

- Đề nghị Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3 chỉ đạo đơn vị tư vấn rà soát, cập nhật quy định về cấp công trình theo quy chuẩn thiết kế hiện hành để xác định phạm vi vùng phụ cận của đập (đối với đập cấp III tối thiểu là 50m) theo đúng quy định của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

- Căn cứ quy định về khoảng cách tối đa giữa hai mốc chỉ giới liền nhau (100m) được viện dẫn không thống nhất: tại Mục 5.2.1 hồ sơ dẫn "Khoản 2, Điều 20" Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT, trong khi tại Mục 5.3.1 lại dẫn "điểm a, b khoản 2 Điều 21" của cùng Thông tư để quy định cùng một nội dung. Đề nghị đơn vị tư vấn, chủ đầu tư rà soát, xác định chính xác điều, khoản viện dẫn, tránh sai sót khi trình phê duyệt.

- Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, đối chiếu thống nhất tọa độ các

mốc chỉ giới giữa nội dung Thuyết minh (Bảng 5) với Bản đồ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập kèm theo, tránh sai lệch số liệu khi triển khai cắm mốc ngoài thực địa và lập hồ sơ bàn giao cho địa phương quản lý.

- Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh vị trí dự kiến cắm mốc để đảm bảo khoảng cách giữa các mốc và khoảng cách giữa các mốc đối với đập cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Số liệu diện tích đất thu hồi giữa Thuyết minh (Bảng 2) và Bản đồ mốc chỉ giới kèm theo chưa khớp nhau ở một số hạng mục, cụ thể: diện tích đất giao thông (Thuyết minh: 985,9 m²; Bản đồ: 958,9 m²) và diện tích đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (Thuyết minh: 100.023,2 m²; Bản đồ: 101.023,2 m²). Đề nghị chủ đầu tư kiểm tra, thống nhất số liệu giữa các thành phần của hồ sơ trước khi trình phê duyệt.

- Tại Mục 6.3 (Phương án giải phóng mặt bằng) của Thuyết minh có nội dung nêu "công trình thủy điện Đăk Robaye", không đúng với tên dự án là thủy điện Đăk Lô 1. Đề nghị chủ đầu tư rà soát, chỉnh sửa lại cho chính xác, tránh nhầm lẫn với hồ sơ của dự án khác.

- Trên Bản đồ có xuất hiện ký hiệu "MCG-DL3-04", không thuộc hệ thống 17 mốc chỉ giới (từ MCG-DL1-01 đến MCG-DL1-17) của công trình thủy điện Đăk Lô 1 nêu tại Mục 5.4 Thuyết minh. Đề nghị chủ đầu tư kiểm tra, làm rõ, chỉnh sửa nếu đây là sai sót do sử dụng nhầm dữ liệu của công trình thủy điện Đăk Lô 3.

b. Đối với thủy điện Đăk Lô 3

- Qua đối chiếu Bảng 5 (Tọa độ và vị trí cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập) trong phần thuyết minh với Bảng thống kê mốc chỉ giới thể hiện trên bản đồ kèm theo, ghi nhận có sự chênh lệch về tọa độ tại một số vị trí (ví dụ mốc MCG-DL3-01: thuyết minh ghi X = 1.634.766,70; Y = 591.821,10, trong khi bản đồ ghi X = 1.634.765,39; Y = 591.819,21) và về khoảng cách giữa các mốc, khoảng cách với đập giữa hai bảng số liệu. Đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn kiểm tra, đối chiếu, thống nhất số liệu giữa phần thuyết minh và bản vẽ trước khi trình phê duyệt, tránh gây khó khăn cho công tác định vị, cắm mốc ngoài thực địa và quản lý sau này;

- Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh vị trí dự kiến cắm mốc để đảm bảo khoảng cách giữa các mốc và khoảng cách giữa các mốc đối với đập cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3. Về phạm vi diện tích rừng, đất lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý

- a. Số lượng mốc cắm và vị trí cắm mốc trên diện tích rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý:

- a.1. Tổng số mốc theo 02 phương án dự kiến nằm trong phạm vi diện tích rừng, đất lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham đang được giao quản lý là 11 mốc, trong đó:

- Mốc cắm xác định chỉ giới phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 1 là 05 mốc gồm:

+ Khu vực bảo vệ đập chính là 03 mốc bao gồm mốc MCGD-01, MCG-DL1-02 và mốc MCG-DL1-11 tại khoảnh 10 tiểu khu 426;

+ Khu vực bảo vệ đập phụ là 02 mốc bao gồm: mốc MCG-DL1-14 tại khoảnh 10 tiểu khu 430 và vị trí cắm mốc MCG-DL1-15 tại khoảnh 2 tiểu khu 432;

- Mốc cắm xác định chỉ giới phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 3 là 06 mốc gồm các mốc: MCG-DL3-03, MCG-DL3-04, MCG-DL3-05, MCG-DL3-06, MCG-DL3-07, MCG-DL3-12.

a.2. Vị trí cắm mốc: Qua kiểm tra, toàn bộ các khu vực dự kiến cắm mốc nêu trên thuộc lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham có hiện trạng là đất có rừng (*theo kết quả công bố diễn biến rừng 2025 của UBND xã Kon Plông*). Mặc dù diện tích chiếm dụng trực tiếp của mốc nhỏ, để hạn chế tối đa tác động đến hệ sinh thái rừng, Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham đề nghị chủ đầu tư:

- Ưu tiên lựa chọn vị trí ổn định về địa hình, dễ quan sát, nhận biết, thuận lợi cho công tác kiểm tra, bảo vệ và hạn chế tối đa tác động đến cây rừng, thảm thực vật xung quanh.

- Không được tự ý mở đường công vụ, khai thác, chặt hạ cây rừng hoặc sử dụng lâm sản trong phạm vi đất do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý để phục vụ việc cắm mốc khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Chỉ thực hiện việc cắm mốc sau khi Phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước dự án công trình Thủy điện Đăk Lô 1 và Thủy điện Đăk Lô 3 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trên cơ sở phương án được phê duyệt, thông báo kế hoạch cắm mốc cho Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham trước khi đưa người và phương tiện vào rừng để thi công cắm mốc để đơn vị biết để phối hợp giám sát quá trình thực hiện.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý người, phương tiện, thiết bị trong quá trình thực hiện cắm mốc; không để xảy ra việc tự ý tác động vào rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng hoặc thực hiện các hoạt động khác trái quy định pháp luật. Trường hợp quá trình cắm mốc gây thiệt hại, tác động đến tài nguyên rừng thì chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý theo quy định.

- Sau khi hoàn thành việc cắm mốc, đề nghị chủ đầu tư phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham kiểm tra, xác nhận vị trí các mốc nằm trên lâm phần do đơn vị quản lý; đồng thời cung cấp sơ đồ, tọa độ và danh sách các mốc để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phối hợp kiểm tra trong quá trình quản lý, vận hành công trình

b. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định: “*Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.*” Hiện nay trong phương án chưa thể hiện rõ nội dung này, do đó trường hợp phương án có đề xuất mở đường quản lý, đường tiếp cận hoặc mặt bằng phục vụ quản lý, bảo trì, xử lý sự cố công trình, đề nghị chủ đầu tư xác định cụ thể vị trí, phạm vi, diện tích và hiện trạng sử dụng đất. Việc đầu tư xây dựng, mở đường và sử dụng đất phải thực hiện trong phạm vi đất đã được cơ quan có thẩm quyền giao, cho thuê hoặc cho phép sử dụng theo quy định của pháp luật; không tự ý mở đường hoặc tác động đến rừng ngoài phạm vi được phép.

4. Đề nghị Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3 rà soát, xác định vị trí cắm các mốc chỉ giới cho phù hợp và phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình (nếu có) có liên quan để thống nhất các vị trí dự kiến cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập công trình thủy điện Đak Lô 1 và thủy điện Đak Lô 3 theo quy định pháp luật (*có Biên bản làm việc thỏa thuận giữa các bên liên quan*) để làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Phương án.

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, Phó GD Sở (A.Huân);
- Chi cục: Thủy lợi;
- BQL rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham;
- Lưu VT, QLĐĐ.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Trần Huân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KON PLÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1316 /UBND-PKT

Kon Plông, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Về việc góp ý dự thảo Phương án
cắm mốc chỉ giới xác định phạm
vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô
1 và thủy điện Đăk Lô 3

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi.

Ủy ban nhân dân xã Kon Plông nhận được Công văn số 5016/SCT-QLNL và Công văn số 5017/SCT-QLNL ngày 09/8/2026 Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi về việc lấy ý kiến dự thảo Phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 1 và thủy điện Đăk Lô 3 *(kèm theo dự thảo Phương án và các tài liệu có liên quan)*.

Qua xem xét hồ sơ, Ủy ban nhân dân xã Kon Plông có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết cắm mốc chỉ giới

- Việc cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đăk Lô 1 và thủy điện Đăk Lô 3 là cần thiết nhằm xác định rõ ranh giới phạm vi bảo vệ công trình trên thực địa, tạo cơ sở pháp lý và thực tiễn cho công tác quản lý, bảo vệ an toàn đập, hồ chứa và các hạng mục công trình thủy điện.

- Đồng thời, việc cắm mốc giúp phân định rõ phạm vi đất thuộc khu vực bảo vệ công trình với diện tích đất do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng, hạn chế tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng công trình hoặc thực hiện các hoạt động có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình.

2. Về nội dung phương án

2.1. Đối với thủy điện Đăk Lô 1

- Qua đối chiếu Bảng 5 (Tọa độ và vị trí cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập) trong phần thuyết minh với Bảng thống kê mốc chỉ giới thể hiện trên bản đồ kèm theo, ghi nhận có sự chênh lệch về tọa độ tại một số vị trí (ví dụ mốc MCG-DL1-17: thuyết minh ghi $X = 1.629.244,75$; $Y = 594.939,71$, trong khi bản đồ ghi $X = 1.629.230,85$; $Y = 595.172,27$) và về khoảng cách giữa các mốc, khoảng cách với đập giữa hai bảng số liệu. Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, đối chiếu thống nhất tọa độ các mốc chỉ giới giữa nội dung Thuyết minh (Bảng 5) với Bản đồ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập kèm theo, tránh sai lệch số liệu khi triển khai cắm mốc ngoài thực địa và lập hồ sơ bàn giao cho địa phương

quản.

- Số liệu diện tích đất thu hồi giữa Thuyết minh (Bảng 2) và Bản đồ mốc chỉ giới kèm theo chưa khớp nhau ở một số hạng mục, cụ thể: diện tích đất giao thông (Thuyết minh: 985,9 m²; Bản đồ: 958,9 m²) và diện tích đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (Thuyết minh: 100.023,2 m²; Bản đồ: 101.023,2 m²).

- Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh vị trí dự kiến cắm mốc để đảm bảo khoảng cách giữa các mốc và khoảng cách giữa các mốc đối với đập cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2.2. Đối với thủy điện Đắk Lô 3

- Đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh vị trí dự kiến cắm mốc để đảm bảo khoảng cách giữa các mốc và khoảng cách giữa các mốc đối với đập cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn kiểm tra, đối chiếu, thống nhất số liệu giữa phần thuyết minh và bản vẽ trước khi trình phê duyệt, tránh gây khó khăn cho công tác định vị, cắm mốc ngoài thực địa và quản lý sau này.

3. Về phạm vi diện tích rừng, đất lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý, do UBND xã Kon Plông quản lý.

3.1. Số lượng mốc cắm và vị trí cắm mốc trên diện tích rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý:

Tổng số mốc theo 02 phương án dự kiến nằm trong phạm vi diện tích rừng, đất lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham đang được giao quản lý là 11 mốc, trong đó:

- Mốc cắm xác định chỉ giới phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đắk Lô 1 là 05 mốc gồm:

- + Khu vực bảo vệ đập chính là 03 mốc bao gồm mốc MCGD-01, MCG-DL1-02 và mốc MCG-DL1-11 tại khoảnh 10 tiểu khu 426;

- + Khu vực bảo vệ đập phụ là 02 mốc bao gồm: mốc MCG-DL1-14 tại khoảnh 10 tiểu khu 430 và vị trí cắm mốc MCG-DL1-15 tại khoảnh 2 tiểu khu 432;

- Mốc cắm xác định chỉ giới phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đắk Lô 3 là 06 mốc gồm các mốc: MCG-DL3-03, MCG-DL3-04, MCG-DL3-05, MCG-DL3-06, MCG-DL3-07, MCG-DL3-12.

3.2. Số lượng mốc cắm và vị trí cắm mốc trên diện tích rừng do UBND xã quản lý:

- Tổng số mốc theo 02 phương án dự kiến nằm trong phạm vi diện tích rừng, đất lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham đang được giao quản lý là 02 mốc, trong đó:

- + Khu vực bảo vệ đập phụ là 02 mốc bao gồm: mốc MCG-DL1-16 tại lô

1b, khoảnh 1, tiểu khu 432 và vị trí cấm mốc MCG-DL1-17 tại Lô 3ac, khoảnh 5a, tiểu khu 430.

4. Vị trí cấm mốc:

Qua kiểm tra, toàn bộ các khu vực dự kiến cấm mốc nêu trên thuộc lâm phần UBND xã quản lý và Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham, có hiện trạng là đất có rừng (theo kết quả công bố diễn biến rừng 2025 của UBND xã Kon Plông). Mặc dù diện tích chiếm dụng trực tiếp của mốc nhỏ, để hạn chế tối đa tác động đến hệ sinh thái rừng, UBND xã Kon Plông đề nghị chủ đầu tư:

- Không được tự ý mở đường công vụ, khai thác, chặt hạ cây rừng hoặc sử dụng lâm sản trong phạm vi đất do UBND xã quản lý và Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý để phục vụ việc cấm mốc khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Chỉ thực hiện việc cấm mốc sau khi Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước dự án công trình Thủy điện Đăk Lô 1 và Thủy điện Đăk Lô 3 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý người, phương tiện, thiết bị trong quá trình thực hiện cấm mốc; không để xảy ra việc tự ý tác động vào rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng hoặc thực hiện các hoạt động khác trái quy định pháp luật. Trường hợp quá trình cấm mốc gây thiệt hại, tác động đến tài nguyên rừng thì chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý theo quy định.

- Sau khi hoàn thành việc cấm mốc, đề nghị chủ đầu tư phối hợp với UBND xã Kon Plông, Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham, kiểm tra, xác nhận vị trí các mốc nằm trên lâm phần do đơn vị quản lý; đồng thời cung cấp sơ đồ, tọa độ và danh sách các mốc để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phối hợp kiểm tra trong quá trình quản lý, vận hành công trình.

Ủy ban nhân dân xã Kon Plông báo để Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi biết, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã
- Lưu VTLT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thành Diễn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc xác định vị trí, đánh giá hiện trạng sử dụng đất đối với các vị trí Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 đề xuất cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ Đập chính, đập phụ của công trình thủy điện Đak Lô 1 và Đập của công trình thủy điện Đak Lô 3 thuộc địa phận xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Giấy mời số 07/GM-ĐL13 ngày 02/7/2026 của Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 về việc kiểm tra thực địa vị trí dự kiến cắm mốc chỉ giới bảo vệ đập, hồ chứa nước dự án công trình Thủy điện Đak Lô 1 và Thủy điện Đak Lô 3.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 7 năm 2026. Tại Văn phòng Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 tại thôn Điek Tem, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi, sau khi kết thúc việc kiểm tra ngoài hiện trường, chúng tôi đã tiến hành họp và thống nhất một số nội dung như sau:

I. THÀNH PHẦN:

1. Đại diện Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3

- Ông: Lê Hoàng Phúc Chức vụ: Phó giám đốc
- Ông: Đỗ Văn Khanh Chức vụ: Kỹ thuật

2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Kon Plông

- Ông: Nguyễn Hữu Phú Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế

3. Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham.

- Ông: Trần Thanh Hiền Chức vụ: Phó giám đốc
- Ông: Hoàng Minh Thuận Chức vụ: Phụ trách phòng KTLN;
- Ông: Chu Văn Khánh Chức vụ: Phụ trách Trạm BVR Ngok Tem 1;
- Ông: Nguyễn Viết Phong Chức vụ: Phụ trách Trạm BVR Ngok Tem 2.

II. NỘI DUNG

1. Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 đề xuất được cắm 17 mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập của công trình thủy điện Đak Lô 1 và 12 mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập của thủy điện Đak Lô 3 cụ thể như sau:

a) Tại công trình thủy điện Đak Lô 1

Tổng số mốc đề xuất cắm là 17 mốc, trong đó mốc chỉ giới bảo vệ đập chính



là 11 mốc (từ mốc 01 đến mốc 11) và mốc chỉ giới bảo vệ đập phụ là 6 mốc (từ mốc 12 đến mốc 17). Vị trí cắm mốc theo chủ thể sử dụng đất cụ thể như sau:

- Vị trí cắm mốc thuộc lâm phần do UBND xã Kon Plông quản lý là 02 mốc gồm mốc số 16 và mốc số 17 của khu vực bảo vệ đập phụ.

- Vị trí cắm mốc thuộc phạm vi diện tích rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý là 05 mốc gồm:

+ Khu vực bảo vệ đập chính là 03 mốc bao gồm mốc MCG-DL1-01, MCG-DL1-02 và mốc MCG-DL1-11 tại khoảnh 10 tiểu khu 426;

+ Khu vực bảo vệ đập phụ là 02 mốc bao gồm: mốc MCG-DL1-14 tại khoảnh 10 tiểu khu 430 và vị trí cắm mốc MCG-DL1-15 tại khoảnh 2 tiểu khu 432;

- Vị trí cắm mốc thuộc phạm vi diện tích đất đã được thu hồi và bàn giao cho Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lô 1-3 quản lý, sử dụng là 10 mốc bao gồm các mốc số 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 12, và mốc số 13.

- Thông tin về số hiệu mốc, tọa độ vị trí các điểm mốc chi tiết tại bảng sau:

STT	Số hiệu mốc	X	Y	Ghi chú
01	MCG-DL1-01	594241,36	1629684,02	Hệ tọa độ sử dụng là tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107 ⁰ 30 phút, múi chiều 3 độ
02	MCG-DL1-02	594304,01	1629699,26	
03	MCG-DL1-03	594.368,33	1.629.668,80	
04	MCG-DL1-04	594.446,88	1.629.611,03	
05	MCG-DL1-05	594.461,48	1.629.543,31	
06	MCG-DL1-06	594.406,10	1.629.513,03	
07	MCG-DL1-07	594.376,30	1.629.428,31	
08	MCG-DL1-08	594.280,63	1.629.437,33	
09	MCG-DL1-09	594.249,53	1.629.498,76	
10	MCG-DL1-10	594.167,13	1.629.549,09	
11	MCG-DL1-11	594.194,42	1.629.631,87	
12	MCG-DL1-12	595.007,27	1.629.292,08	
13	MCG-DL1-13	595.105,51	1.629.287,84	
14	MCG-DL1-14	595.172,11	1.629.228,23	
15	MCG-DL1-15	595.099,20	1.629.167,77	
16	MCG-DL1-16	595.006,66	1.629.175,70	
17	MCG-DL1-17	594.939,71	1.629.244,75	

b) Tại công trình thủy điện Đăk Lô 3

Tổng số mốc đề xuất cắm là 12 mốc, trong đó vị trí cắm mốc theo chủ thể sử dụng đất cụ thể như sau:

- Mốc thuộc phạm vi diện tích rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng

Thạch Nham quản lý là 06 mốc gồm các mốc từ 03 đến 07 và mốc 12;

- Vị trí cắm mốc thuộc phạm vi diện tích đất đã được thu hồi và bàn giao cho Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 quản lý, sử dụng là 06 mốc, bao gồm các mốc 01, 02 và các mốc từ 08 đến mốc 11.

- Thông tin về số hiệu mốc, tọa độ vị trí các điểm mốc chi tiết tại bảng sau:

STT	Số hiệu mốc	X	Y	Ghi chú
01	MCG-DL3-01	591.819,21	1.634.765,39	Hệ tọa độ sử dụng là tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107 ⁰ 30 phút, múi chiếu 3 độ
02	MCG-DL3-02	591.860,62	1.634.710,86	
03	MCG-DL3-03	591.916,64	1.634.639,48	
04	MCG-DL3-04	591.972,73	1.634.581,13	
05	MCG-DL3-05	591.925,90	1.634.508,41	
06	MCG-DL3-06	591.852,47	1.634.468,69	
07	MCG-DL3-07	591.769,35	1.634.477,67	
08	MCG-DL3-08	591.687,89	1.634.513,74	
09	MCG-DL3-09	591.588,45	1.634.513,85	
10	MCG-DL3-10	591.607,95	1.634.600,19	
11	MCG-DL3-11	591.646,34	1.634.682,57	
12	MCG-DL3-12	591.735,13	1.634.725,14	

c) Quy cách mốc cắm:

- Chiều rộng: (0,15x0,15) m = 0,00225 m²

- Chiều cao mốc: 1,0 m

- Bệ mốc: (50x50) cm = 0,25 m²

- Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng (mốc chiếm) là 29 m², trung bình 01 mốc chiếm diện tích 1 m².

2. Kết quả đối chiếu, kiểm tra vị trí các mốc trên bản đồ công bố hiện trạng rừng năm 2025 của UBND xã Kon Plông và kiểm tra ngoài thực địa như sau:

a) Tại công trình thủy điện Đak Lô 1

- Các mốc từ số 03 đến mốc số 10, mốc 12 và mốc 13 thuộc phạm vi diện tích đất đã được thu hồi và giao cho Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 quản lý, sử dụng do đó không đánh giá về hiện trạng;

- Các mốc số 16 và mốc số 17 thuộc lâm phần do Ủy ban nhân dân xã Kon Plông quản lý, cụ thể:

+ Mốc số 16: nằm tại lô 1b khoảnh 1 tiểu khu 432, có hiện trạng rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN).

102
TY
H
DIỆP
Ô 1
G N

+ Mốc số 17: nằm tại lô 3a khoảng 5a tiểu khu 430, có hiện trạng rừng là đất trống có cây gỗ tái sinh (DT2).

- Các mốc số 1, 2, 11, 14 và 15 thuộc lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý, cụ thể:

+ Các mốc số 1, 2 và 11: nằm tại lô 15b88 khoảng 10 tiểu khu 426, có hiện trạng rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (TXP).

+ Mốc số 14: nằm tại lô 7 khoảng 10 tiểu khu 430, có hiện trạng rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình (TXB).

+ Mốc số 15: nằm tại lô 4 khoảng 2 tiểu khu 432, có hiện trạng rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh trung bình (TXB).

- Qua kiểm tra tại các vị trí dự kiến cắm mốc nêu trên của công trình thủy điện Đăk Lô 1 đoàn kiểm tra xác định vì diện tích chiếm dụng của mốc chỉ khoảng 1 m² do đó không gây ảnh hưởng đến cây rừng.

a) Tại công trình thủy điện Đăk Lô 3

- Các mốc số 01, 02, 08, 09, 10 và 11 thuộc phạm vi diện tích đất đã được thu hồi và giao cho Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lô 1-3 quản lý, sử dụng do đó không đánh giá về hiện trạng;

- Các mốc số 03, 04, 05, 06, 07 và 12 thuộc lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham quản lý, cụ thể:

+ Các mốc số 03, 04, 05 nằm tại lô 3 khoảng 1 tiểu khu 425, có hiện trạng rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (TXP).

+ Mốc số 06: nằm tại lô 7 khoảng 1 tiểu khu 425, có hiện trạng rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN).

+ Mốc số 07: nằm tại lô 1 khoảng 1 tiểu khu 425, có hiện trạng rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN).

+ Mốc số 12: nằm tại lô 5 khoảng 7 tiểu khu 422, có hiện trạng rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo (TXN).

- Qua kiểm tra tại các vị trí dự kiến cắm mốc nêu trên của công trình thủy điện Đăk Lô 3 đoàn kiểm tra xác định vì diện tích chiếm dụng của mốc chỉ khoảng 1 m² do đó không gây ảnh hưởng đến cây rừng.

3. Kiến nghị đề xuất của đoàn kiểm tra:

- Đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lô 1-3 chỉ thực hiện việc cắm mốc sau khi Phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước dự án công trình Thủy điện Đăk Lô 1 và Thủy điện Đăk Lô 3 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trước khi đưa người và phương tiện vào rừng để thi công cắm mốc phải báo cho UBND xã Kon Plông, Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham biết để phối hợp giám sát quá trình thực hiện.

- Đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 trong quá trình thi công cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập công trình Thủy điện Đak Lô 1 và Thủy điện Đak Lô 3 nêu trên không được tác động đến môi trường, cảnh quan và diện tích rừng xung quanh khu vực thực hiện cắm mốc.

4. Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 cam kết:

- Không sử dụng cũng như tranh chấp, gây cản trở, khó khăn hoặc ảnh hưởng đến công tác quản lý, bảo vệ, và phát triển rừng của chủ rừng là Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham,

- Trong quá trình chôn mốc không chặt hạ cây rừng, không phát dọn thực bì, chỉ chôn mốc vào những vị trí đất trống dưới tán rừng.

Biên bản kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày. Các bên thống nhất nội dung trên và thống nhất ký tên, biên bản được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TNHH THỦY ĐIỆN
ĐAK LÔ 1-3



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Hoàng Phúc

Đ.D BAN QUẢN LÝ
RỪNG PHÒNG HỘ
THƯỢNG THẠCH NHAM

Trần Thanh Hiền

ĐẠI DIỆN ỦY BAN
NHÂN DÂN XÃ
KON PLÔNG

Nguyễn Hữu Phú



THÔNG BÁO YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, HOÀN THIỆN LẠI HỒ SƠ

Ngày 04/8/2026, quày Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi tiếp nhận hồ sơ của Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3 (Chủ đầu tư); mã định danh 001076065365; địa chỉ: Xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi.

Mã số hồ sơ: H48.27-260804-0200007; thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày 08/9/2026.

Nội dung đề nghị giải quyết thủ tục hành chính: thẩm định, phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đak Lô 1.

Qua xem xét hồ sơ nêu trên, Sở Công Thương nhận thấy hồ sơ Chủ đầu tư chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Sở Công Thương trân trọng đề nghị Chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Phương án các nội dung sau:

1. Bổ sung, giải trình, làm rõ các nội dung tham gia góp ý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 9846/SNNMT-TL ngày 19/8/2026 và UBND xã Kon Plông tại Văn bản số 1316/UBND-PKT ngày 24/8/2026⁽¹⁾ (*Văn bản có gửi kèm theo*).

2. Về nội dung Phương án:

- Căn cứ pháp lý: Bổ sung Luật Điện lực số 61/2024/QH15.
- Rà soát, bổ sung lại các văn bản pháp lý làm căn cứ lập Phương án, lược bỏ các văn bản không còn phù hợp.
- Đề nghị cập nhật Quy chuẩn QCVN 27:2025/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình thủy điện để xác định bổ sung thêm cấp công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành theo quy định.
- Bổ sung nội dung đánh giá cụ thể hiện trạng khu vực cấm mốc chỉ giới, bổ sung các văn bản, thỏa thuận liên quan đến việc sử dụng đất để cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện Đak Lô 1 (nếu ngoài phạm vi đất dự án).

⁽¹⁾ Hiện nay, Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham chưa có Văn bản tham gia góp ý; sau khi có Văn bản góp ý của Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham gửi về, Sở Công Thương sẽ chuyển đến Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3.

- Phạm vi bảo vệ đập thủy điện, vùng phụ cận thủy điện chỉ xác định theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025.

- Khoảng cách các mốc chỉ giới: Xác định đúng nội dung tham chiếu để xác định khoảng cách các mốc tại Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026.

- Thuyết minh rõ quy cách, kết cấu cột mốc (thân mốc, đế mốc) để làm cơ sở cắm mốc ngoài thực địa (theo Điều 21 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026).

- Bổ sung nội dung về mốc tham chiếu.

Hồ sơ bổ sung, hoàn thiện đề nghị Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3 cập nhật, bổ sung vào mã số hồ sơ: H48.27-260804-0200007 trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi về Quầy tiếp nhận hồ sơ của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được giải quyết theo đúng quy định.

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3 đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc liên hệ với công chức tiếp nhận hồ sơ qua số điện thoại 0255.393.5555 (số máy nhánh 605) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3;
- BP tiếp nhận và trả kết quả-TT PVHHC tỉnh;
- GD Sở;
- Lưu: VT, QLNL.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Mân

PHƯƠNG ÁN
CẨM MỐC CHỈ GIỚI XÁC ĐỊNH PHẠM VI BẢO VỆ ĐẬP
THỦY ĐIỆN ĐẮK LÔ 1
ĐỊA ĐIỂM: XÃ KON PLÔNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

CÁC BẢN VẼ

